

Số: 666/QĐ-BVU

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Mở ngành Hệ thống thông tin quản lý trình độ đại học, mã ngành 7340405

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
- Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;
- Căn cứ Quyết định số 27/2006/QĐ-TTg ngày 27/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Căn cứ Thông tư 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;
- Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
- Căn cứ Nghị quyết số 200/NQ-BVU ngày 17/9/2025 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Căn cứ Quyết định số 191/QĐ-BVU ngày 06/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu số 659/BB-BVU ngày 20/01/2026 về việc thông qua chương trình đào tạo; thẩm định Đề án mở ngành trình độ đại học ngành Hệ thống thông tin quản lý, ngành Trí tuệ nhân tạo, ngành Ngôn ngữ Nhật;

Xét đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trường phòng Đào tạo đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mở ngành Hệ thống thông tin quản lý trình độ đại học, mã ngành 7340405 của Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu.



Điều 2. Việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp đối với ngành nêu trên thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị;
- Egov;
- Lưu: VT, P.ĐTĐH.



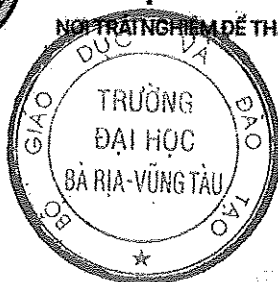
PGS.TS. Nguyễn Bá Hoàng





**TRƯỜNG ĐẠI HỌC
BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

NƠI TRÁI NGHIỆM ĐỂ THÀNH CÔNG



ĐỀ ÁN

MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

MÃ NGÀNH: 7340405

Thành phố Hồ Chí Minh - 2026

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	iv
PHẦN 1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	1
1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu.....	1
1.1.1. Thông tin về Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu	1
1.1.2. Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên	2
1.1.3. Ngành đào tạo	2
1.1.4. Quy mô đào tạo	3
1.1.5. Tổ chức dạy và học	3
1.1.6. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo.....	3
1.1.7. Kiểm định chất lượng.....	3
1.2. Nhu cầu về nguồn nhân lực ngành Hệ thống thông tin quản lý trình độ đại học.....	4
1.2.1. Nhu cầu về nguồn nhân lực	4
1.2.2. Nhu cầu của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và các tỉnh lân cận.....	5
1.2.3. Nhu cầu của người học.....	6
1.2.4. Nhu cầu phát triển của Trường	6
1.3. Lý do, sự cần thiết đào tạo đại học ngành Hệ thống thông tin quản lý	6
PHẦN 2. NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO.....	8
2.1. Khái quát chung về quá trình đào tạo.....	8
2.1.1. Ngành đào tạo	8
2.1.2. Quy mô đào tạo	9
2.2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu	9
2.2.1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học.....	10
2.2.2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo của ngành Hệ thống thông tin quản lý.....	10
2.2.3. Danh sách cán bộ quản lý đối với ngành đại học Hệ thống thông tin quản lý	10
2.2.4. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo	10
2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo	11

2.3.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy	11
2.3.2. Thư viện	11
2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học.....	12
2.5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học....	14
2.6. Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo.....	15
PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	17
3.1. Thông tin chung	17
3.2. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo.....	18
3.3 . Mục tiêu đào tạo	19
3.3.1. Mục tiêu chung	19
3.3.2. Mục tiêu cụ thể:	19
3.4. Chuẩn đầu ra	20
3.4.1. Chuẩn đầu ra	20
3.4.2. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.....	22
3.4.3. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.....	22
3.5. Tuyển sinh.....	31
3.5.1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển	31
3.5.2. Đối tượng và điều kiện dự tuyển	31
3.6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	32
3.6.1. Quy trình đào tạo.....	32
3.6.2. Điều kiện tốt nghiệp.....	32
3.6.3. Hướng dẫn, đánh giá và thẩm định học phần tốt nghiệp chương trình định hướng ứng dụng/định hướng nghiên cứu	32
3.7. Thông tin chương trình đào tạo	33
3.8. Khung chương trình đào tạo	34
3.9. Kế hoạch đào tạo chi tiết.....	41
3.10. Mô tả tóm tắt các học phần.....	44
3.11. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập.....	73
3.11.1. Phương pháp và phương thức giảng dạy	73
3.11.2. Đánh giá kết quả học tập	73

3.11.3. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ.....	74
3.11.4. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu	74
3.12. Đề cương chi tiết học phần	74
PHẦN 4. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN.....	75

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
BRVT	Bà Rịa – Vũng Tàu
BVU	Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu
CĐR	Chuẩn đầu ra
CNTT	Công nghệ thông tin
CTĐT	Chương trình đào tạo
HV-SV	Học viên – sinh viên
ERP	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
NCKH	Nghiên cứu khoa học
PGS	Phó giáo sư
HTTTQL	Hệ thống thông tin quản lý
ThS	Thạc sỹ
TS	Tiến sĩ

VÀ
NG
HỌC
VŨNG TÀU
*

PHẦN 1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu

1.1.1. Thông tin về Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu

- Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu được thành lập ngày 27/01/2006 theo Quyết định số 27/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Tên Tiếng Anh là: Ba Ria – Vung Tau University (tên viết tắt là BVU)

- Địa chỉ: 80 Trương Công Định, phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Điện thoại: 0254 730 5456 – Fax: 0254 730 5456

- Website: www.bvu.edu.vn

- Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu (BVU) hiện đào tạo các trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, kỹ sư, cử nhân và đào tạo đa ngành. BVU xác định sứ mệnh là trường đại học định hướng ứng dụng, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước thông qua việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trên cơ sở liên kết chiến lược giữa nhà trường với doanh nghiệp, giữa đào tạo với sản xuất và dịch vụ.

- Với sứ mệnh như trên, BVU tập trung các giá trị cốt lõi như sau:

+ Nhà trường xác định chất lượng và hiệu quả đào tạo là giá trị hàng đầu, là nguyên tắc và định hướng cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), là yếu tố quyết định cho sự mở rộng hợp tác, cạnh tranh và phát triển của nhà trường;

+ Cơ hội việc làm cao cho người học tốt nghiệp là một trong những giá trị cốt lõi mà nhà trường theo đuổi. Người học do trường đào tạo phải được trang bị những năng lực hiện đại và phù hợp nhằm đáp ứng các nhu cầu nhân lực trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh phù hợp với nhu cầu của tỉnh BRVT, của quốc gia, hội nhập khu vực Đông Nam Á và quốc tế;

+ Sáng tạo được coi là đặc tính vô cùng quan trọng của một trường đại học hiện đại trong bối cảnh thay đổi quá nhanh ở Việt Nam cũng như quốc tế. Với giá trị cốt lõi là sáng tạo, BVU mong muốn và cố gắng thích ứng đối với các điều kiện môi trường luôn thay đổi.

Nhà trường đã xây dựng chương trình đào tạo (CTĐT), kế hoạch đào tạo, kế hoạch dạy học cho các ngành. CTĐT của trường được thiết kế theo nội dung kiến thức cũng như các hình thức học tập cho từng môn học. Chương trình ngày càng gắn kết hơn với nhu cầu của thị trường lao động. Các ngành đào tạo có mục tiêu rõ ràng, một số các CTĐT có tham khảo nghiên cứu chương trình chuẩn quốc tế. Có tổ chức các hoạt động giao lưu, tiếp xúc, lấy ý kiến phản hồi của người học về CTĐT. Nhà trường sớm chú trọng hướng đến việc liên thông giữa các trình độ và liên kết đào tạo giữa các trường trong và ngoài nước.

Trường đào tạo đa ngành; có nhiều phương thức, trình độ đào tạo (chính quy, vừa làm vừa học, liên thông đại học, đại học văn bằng 2, thạc sĩ, tiến sĩ). Xây dựng cơ chế quản lý dữ liệu tập trung ở Phòng Đào tạo đại học, dữ liệu về kết quả học tập của người học mang tính thống nhất và bảo mật cao. Trường có đầu tư trang thiết bị phục vụ đổi mới phương pháp dạy và học. Nâng cao số tiết tự nghiên cứu, thực hành trong nhiều môn học. Quy trình tổ chức các kỳ thi được thực hiện nghiêm túc. Trường đã xây dựng mạng nội bộ tra cứu kết quả học tập của người học; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc nhập điểm thi cho toàn bộ đối tượng học của các hệ đào tạo, tổ chức bộ phận chuyên trách việc lưu trữ kết quả học tập của học viên, người học toàn trường.

Trường cung cấp thông tin cho người học đầy đủ, kịp thời về mục tiêu đào tạo, CTĐT, yêu cầu kiểm tra đánh giá; người học được phổ biến kịp thời các chế độ chính sách xã hội, được đảm bảo đầy đủ quyền lợi về chăm sóc sức khỏe, điều kiện tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao. Công tác giáo dục chính trị, truyền thống, giáo dục đạo đức lối sống được triển khai bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Công tác Đảng, Đoàn thể được chú trọng. Trường có biện pháp hỗ trợ người học diện chính sách, hoàn cảnh khó khăn, có thành tích học tập và phong trào thông qua các chính sách tài trợ học bổng và miễn giảm học phí. Trường đã xây dựng và phát triển hình thức câu lạc bộ, tạo điều kiện cho người học sinh hoạt và tập luyện văn nghệ, thể thao. Đồng thời, bộ phận tư vấn nghề nghiệp hỗ trợ cho người học định hướng nghề nghiệp.

Về hợp tác quốc tế, hiện Trường đang triển khai các chương trình hợp tác quốc tế: các chương trình trao đổi người học với Trường Đại học Kyoai – Gakuen (Nhật Bản); Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu đã chính thức ký kết Biên bản ghi nhớ với Trường Đại học West of England, Bristol (UWE) nhằm thực hiện các chương trình trao đổi sinh viên, hội thảo và các dự án nghiên cứu chung.

Ngày 04/11/2016, trường vinh dự được nhận Huân chương lao động hạng 3 do Chủ tịch nước trao tặng. Trải qua hơn 18 năm xây dựng và phát triển, BVU đã nỗ lực đóng góp nhiều thành tích trong sự nghiệp giáo dục, đào tạo, NCKH, khẳng định được thương hiệu của mình trong lĩnh vực giáo dục.

1.1.2. Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên

Hiện có 235 cán bộ, giảng viên cơ hữu, chuyên viên, nhân viên. Trong đó:

- + Giáo sư: 01 người;
- + Phó giáo sư: 07 người;
- + Tiến sĩ: 47 người;
- + Thạc sĩ: 134 người;
- + Đại học: 26 người.
- + Khác: 20 người.

1.1.3. Ngành đào tạo

Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo các trình độ, cụ thể như sau: 01 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, 06 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 23 ngành đào tạo trình độ cử nhân.

1.1.4. Quy mô đào tạo

Quy mô đào tạo hiện nay của Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu là 5.870 SV-HV-NCS, trong đó:

- Nghiên cứu sinh: 04 Nghiên cứu sinh
- Thạc sĩ: 271 học viên
- Đại học: 45.496 người học
- Liên thông, văn bằng hai và vừa làm vừa học: 99 sinh viên.

Hiện nay, tất cả các bậc đào tạo của BVU đều được đào tạo theo tín chỉ

1.1.5. Tổ chức dạy và học

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ: Nhà trường đã triển khai đào tạo tín chỉ đối với trình độ đại học và cao đẳng từ năm học 2011 - 2012 đến nay.

Đổi mới phương pháp dạy và học:

- Tập trung nâng cao chất lượng các phần kiến thức: ngoại ngữ, tin học và các kỹ năng bổ trợ; cập nhật kiến thức trong nội dung giảng dạy hàng năm.
- Tập trung tăng cường nội dung thực tập, trải nghiệm ở doanh nghiệp.
- Đẩy mạnh phong trào người học NCKH.

1.1.6. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo

Trường đã ứng dụng hệ thống CNTT trong việc quản lý các hoạt động từ năm 2007 và tất cả các dữ liệu đã được số hóa. Năm 2011, Trường đã đầu tư cơ sở hạ tầng và hệ thống phần mềm quản lý quy mô và chuyên nghiệp hơn để phục vụ phát triển. Một số kết quả của việc ứng dụng CNTT như sau:

- Việc xét kết quả lên lớp, tốt nghiệp, học lại, thi lại, học bổng, đánh giá kết quả rèn luyện hoàn toàn dùng CNTT trợ giúp;
- Việc quản lý điểm, quản lý tài chính, quản lý các CTĐT cũng được tin học hóa toàn bộ;
- Toàn bộ thông tin HV-SV, giảng viên, công nhân viên được quản lý qua mạng.
- Việc tổ chức báo giảng, chấm công giờ dạy, điểm danh, thời khóa biểu toàn trường đều được quản lý qua mạng.

1.1.7. Kiểm định chất lượng

Năm 2019, BVU đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục;

Năm 2021, BVU đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng quốc tế 4 sao QS Stars – Anh Quốc;

Ngày 24/3/2023, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn (CEA-SAIGON) công bố Quyết định và trao giấy Chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho 6 CTĐT trình độ đại học của BVU, gồm các ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, Công nghệ thông tin, Đông phương học, Kế toán, Ngôn ngữ Anh và Quản trị kinh doanh.

Ngày 05/9/2024, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn (CEA-SAIGON) công bố Quyết định và trao giấy Chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho 6 CTĐT trình độ đại học của BVU gồm các CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ khí; CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử; CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật Công trình xây dựng; CTĐT ngành Luật; CTĐT ngành Quản trị khách sạn; CTĐT ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin; Các CTĐT trình độ thạc sĩ đã được kiểm định gồm: CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Đông phương học; CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh; CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh.

BVU đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn (CEA-SAIGON) cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo Quyết định số 333/QĐ-KĐCLGDSG ngày 25/04/2025.

1.2. Nhu cầu về nguồn nhân lực ngành Hệ thống thông tin quản lý trình độ đại học

1.2.1. Nhu cầu về nguồn nhân lực

Trong bối cảnh kỷ nguyên số, Hệ thống thông tin quản lý (HTTTQL) đã trở thành xương sống cho sự vận hành của mọi doanh nghiệp hiện đại. Sự chuyển dịch từ quản trị truyền thống sang quản trị dựa trên dữ liệu đã thúc đẩy nhu cầu không lồ về nhân sự có khả năng kết nối giữa công nghệ thông tin và quản trị kinh doanh. Mặc khác với sự bùng nổ của kinh tế số và tốc độ tăng trưởng kinh tế số của Việt Nam đạt mức cao trong khu vực, nhu cầu tối ưu hóa quy trình nghiệp vụ thông qua các hệ thống ERP, CRM, và Business Intelligence (BI) tăng mạnh.

Ngành HTTTQL cũng đang đối mặt với tình trạng cung không đủ cầu. Nhiều doanh nghiệp phải tuyển dụng nhân sự từ các ngành CNTT thuần túy hoặc Quản trị kinh doanh rồi đào tạo lại, nhưng vẫn thiếu hụt nhóm nhân sự có tư duy liên ngành. Hiện nay, tỷ lệ nhân sự HTTTQL được đào tạo bài bản, chính quy tại các doanh nghiệp còn thấp. Khoảng 70% nhân sự đang đảm nhận các vị trí liên quan đến hệ thống quản lý được chuyển đổi từ các lĩnh vực khác, dẫn đến hạn chế về khả năng thiết kế và tối ưu hóa hệ thống chuyên sâu.

Các doanh nghiệp đòi hỏi nhân sự HTTTQL không chỉ có kiến thức kỹ thuật lập trình, cơ sở dữ liệu mà phải có kỹ năng phân tích nghiệp vụ, kỹ năng giải quyết vấn đề và khả năng ngoại ngữ để làm việc trong môi trường quốc tế.

1.2.2. Nhu cầu của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và các tỉnh lân cận

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, giáp tỉnh Đồng Nai ở phía bắc, giáp tỉnh Bình Thuận ở phía đông, giáp huyện Cần Giờ của Tp. Hồ Chí Minh ở phía tây, còn lại phía nam và đông nam giáp biển. Bà Rịa - Vũng Tàu có diện tích 1.989,6 km² với dân số khoảng 1 triệu người, mật độ dân số 502 người/km².

Giai đoạn 2025-2030, Bà Rịa - Vũng Tàu định hướng phát triển kinh tế - xã hội theo mô hình tăng trưởng nhanh và bền vững, lấy kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao và dịch vụ chất lượng cao làm trụ cột. Tỉnh tập trung phát huy lợi thế cảng biển nước sâu Cái Mép - Thị Vải, logistics và du lịch biển, đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng xanh, giảm dần các ngành thâm dụng tài nguyên, nâng cao giá trị gia tăng và năng suất lao động. Liên kết vùng, đặc biệt với TP. Hồ Chí Minh và Đông Nam Bộ, được xem là động lực quan trọng để mở rộng không gian phát triển và thu hút đầu tư chất lượng cao.

Song song với phát triển kinh tế, Bà Rịa - Vũng Tàu chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển đô thị thông minh và bảo đảm an sinh xã hội. Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước và hoạt động sản xuất - kinh doanh được đẩy mạnh nhằm nâng cao hiệu quả điều hành và năng lực cạnh tranh. Phát triển hạ tầng đồng bộ, bảo vệ môi trường và cải thiện chất lượng sống của người dân là những định hướng xuyên suốt, góp phần xây dựng Bà Rịa - Vũng Tàu trở thành trung tâm kinh tế biển và dịch vụ hiện đại của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Trong bối cảnh thực hiện Quyết định 93/QĐ-UBND gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp logistics - cảng biển, doanh nghiệp Hệ thống thông tin quản lý, du lịch, dịch vụ và công nghiệp trên địa bàn cần đội ngũ nhân sự ngành HTTTQL có khả năng thiết kế, vận hành và khai thác hệ thống thông tin quản lý, phân tích dữ liệu, quản trị quy trình số và hỗ trợ ra quyết định quản lý. Do đó, việc phát triển và đào tạo nguồn nhân lực ngành HTTTQL không chỉ đáp ứng yêu cầu triển khai Quyết định 93/QĐ-UBND, mà còn đóng vai trò then chốt trong nâng cao năng lực quản trị, sức cạnh tranh và hiệu quả chuyển đổi số của Bà Rịa - Vũng Tàu trong giai đoạn tới.

Theo định hướng đến năm 2030, Bà Rịa - Vũng Tàu đặt mục tiêu trên 45% doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia các sàn Hệ thống thông tin quản lý trong và ngoài nước, đồng thời 100% hạ tầng thương mại khu vực thành thị vận hành bằng công nghệ số. Để đạt được mục tiêu này, tỉnh xác định phát triển nguồn nhân lực HTTTQL là yếu tố quyết định, không chỉ đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp mà còn góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế địa phương trong thời đại số hóa.

Tóm lại, nhu cầu nguồn nhân lực HTTTQL tại Bà Rịa - Vũng Tàu đang tăng mạnh cả về số lượng lẫn chất lượng. Việc chủ động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ quản lý, doanh nghiệp và lao động trẻ là giải pháp trọng tâm giúp hiện thực hóa mục tiêu phát triển HTTTQL bền vững, bắt kịp xu hướng kinh tế số quốc gia và quốc tế.

1.2.3. Nhu cầu của người học

Ngành HTTTQL đang thu hút lượng lớn thí sinh do tốc độ phát triển mạnh của nền kinh tế số. Theo báo cáo từ Hội Tin học Việt Nam (VAIP), số lượng người học đăng ký ngành này tăng 150% trong giai đoạn 2020–2025, với điểm chuẩn đầu vào dao động 25–28 điểm tại các trường top đầu như Đại học Kinh tế Quốc dân hay Đại học Công nghệ. Điều này phản ánh xu hướng lựa chọn ngành học gắn liền với công nghệ, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho các doanh nghiệp chuyển đổi số.

Người học HTTTQL không chỉ cần nền tảng về kinh tế, quản trị mà còn đòi hỏi kỹ năng công nghệ thông tin, phân tích dữ liệu và ngoại ngữ. Khảo sát của Bộ Công Thương (2024) cho thấy 70% doanh nghiệp yêu cầu ứng viên đối với nhân sự ngành HTTTQL không chỉ dừng lại ở kỹ thuật thuần túy mà tập trung vào khả năng kết nối giữa công nghệ và quản trị. Điều này thúc đẩy các trường đại học tích hợp CTĐT thực chiến, như mô hình CDIO (Học - Làm - Sáng tạo - Vận hành) tại Đại học Vinh, giúp người học phát triển kỹ năng xây dựng phần mềm quản lý và đề xuất giải pháp số.

Nhu cầu học HTTTQL còn bắt nguồn từ cơ hội việc làm đa dạng. Theo báo cáo EBI 2023, 85% người học tốt nghiệp có việc làm trong vòng 6 tháng, với mức lương khởi điểm 8–15 triệu đồng/tháng, cao hơn 20–30% so với ngành kinh tế truyền thống. Các vị trí phổ biến gồm chuyên viên phân tích nghiệp vụ, tư vấn chuyển đổi số và quản trị hệ thống, những lĩnh vực dự báo sẽ thiếu hụt tới 50.000 nhân sự trình độ cao vào năm 2025. Với định hướng kinh tế số đóng góp 20% GDP của Chính phủ, nhu cầu đào tạo ngành HTTTQL sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm tới.

Dự báo đến 2030, nhu cầu người học HTTTQL sẽ tiếp tục tăng do chính sách phát triển kinh tế số của Chính phủ, hướng tới mục tiêu 20% GDP từ kinh tế số. Các chương trình học bổng toàn phần, miễn giảm học phí cho người học xuất sắc hoặc có hoàn cảnh khó khăn cũng góp phần mở rộng cơ hội tiếp cận ngành học này. Đây không chỉ là xu hướng giáo dục mà còn là động lực then chốt thúc đẩy hội nhập kinh tế toàn cầu của Việt Nam.

1.2.4. Nhu cầu phát triển của Trường

Hòa nhập với xu thế phát triển chung của các trường đại học trên cả nước, cùng với tốc độ phát triển kinh tế của đất nước, việc đào tạo là hết sức cần thiết, đáp ứng nhu cầu thiết thực vào sự phát triển chung trong lĩnh vực kinh tế xã hội, đa dạng hóa các ngành đào tạo sau đại học của nhà trường, trong đó với ngành HTTTQL sẽ mở ra khả năng đào tạo đội ngũ giảng viên của trường, đáp ứng nhu cầu người học với yêu cầu ngày càng cao của nền kinh tế hội nhập.

1.3. Lý do, sự cần thiết đào tạo đại học ngành Hệ thống thông tin quản lý

Bám sát chủ trương của Bộ GD&ĐT và mục tiêu của chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, việc phát triển ngành HTTTQL không chỉ đơn thuần là đa dạng hóa lĩnh vực đào tạo, mà còn là nhiệm vụ chiến lược nhằm cung cấp nguồn nhân lực cho nền kinh tế số. Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu xác định việc đào tạo cử nhân HTTTQL là sứ mệnh góp phần hình thành lực lượng lao

động số chất lượng cao - những người nắm giữ chìa khóa để hiện thực hóa mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia số, thịnh vượng và tiên phong trong các mô hình kinh tế mới.

Trong giai đoạn hội nhập sâu rộng, Đảng ta tiếp tục khẳng định con người là trung tâm, là chủ thể và là nguồn lực quan trọng nhất của sự phát triển. Với tầm nhìn đến năm 2030, khi Việt Nam hướng tới mục tiêu trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, yếu tố con người càng trở nên đột phá khi được trang bị tư duy dữ liệu và năng lực làm chủ công nghệ. Đào tạo đại học ngành HTTTQL tại BVU chính là giải pháp trực tiếp để hiện thực hóa ba trụ cột: Chính phủ số, Kinh tế số và Xã hội số. Chương trình đào tạo không chỉ dừng lại ở việc xây dựng nền tảng hệ thống hay phân tích dữ liệu lớn (Big Data), mà còn hướng tới việc ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây và chuỗi khối (Blockchain) vào quản trị hiện đại.

Do đó, đào tạo nguồn nhân lực HTTTQL là nhu cầu cấp bách để đáp ứng một nền kinh tế không còn biên giới về công nghệ. Đây là đội ngũ chuyên gia có khả năng dẫn dắt quá trình chuyển đổi số, có năng lực nghiên cứu và thực thi các giải pháp khoa học đột phá, giúp doanh nghiệp nâng cao lợi thế cạnh tranh trên trường quốc tế. Việc mở ngành HTTTQL tại BVU còn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hệ sinh thái số tại địa phương, rút ngắn khoảng cách công nghệ và tạo đà tăng trưởng bền vững cho vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Xét ở tầm vĩ mô, đây là hành động thiết thực đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước trong kỷ nguyên số hóa toàn cầu.



PHẦN 2. NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

2.1. Khái quát chung về quá trình đào tạo

2.1.1. Ngành đào tạo

Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo các trình độ, cụ thể như sau: 01 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, 05 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 25 ngành đào tạo trình độ cử nhân.

Bảng 2.1. Danh mục các ngành đào tạo tại BVU

STT	Tên ngành	Mã ngành	Quyết định mở ngành
I. Trình độ đại học			
1	Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử	7510301	1359/QĐ-BGDĐT; 22/3/2006
2	Công nghệ thông tin	7480201	1359/QĐ-BGDĐT; 22/3/2006
3	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7580201	1542/QĐ-BGDĐT; 28/3/2007
4	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7520103	1311/QĐ-BGDĐT; 16/4/2014
5	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	1430/QĐ-BGDĐT; 17/4/2021
6	Đông Phương học	7310608	1542/QĐ-BGDĐT; 28/3/2007
7	Ngôn ngữ Anh	7220201	1359/QĐ-BGDĐT; 22/3/2006
8	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	1431/QĐ-BGDĐT; 17/4/2021
9	Tâm lý học	7310101	1308/QĐ-BGDĐT; 14/4/2020
10	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	4448/QĐ-BGDĐT; 20/10/2017
11	Kinh doanh quốc tế	7340120	1010/QĐ-BGDĐT; 1/3/2022
12	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	4427/QĐ-BGDĐT; 20/10/2017
13	Quản trị khách sạn	7810201	4907/QĐ-BGDĐT; 12/11/2018
14	Điều dưỡng	7720301	2355/QĐ-BGDĐT; 14/8/2020
15	Dược học	7720201	2543/QĐ-BGDĐT; 3/8/2021
16	Luật	7380101	2050/QĐ-BGDĐT; 19/7/2019
17	Kế toán	7340301	1359/QĐ-BGDĐT; 22/3/2006
18	Quản trị kinh doanh	7340101	1359/QĐ-BGDĐT; 22/3/2006
19	Marketing	7340115	1050/QĐ-BGDĐT; 15/1/2021
20	Tài chính ngân hàng	7340201	1015/QĐ-BGDĐT; 7/1/2021

STT	Tên ngành	Mã ngành	Quyết định mở ngành
21	Khai thác vận tải	7840101	64/QĐ-BGDĐT; 25/07/2025
22	Kinh tế vận tải	7840104	66/QĐ-BGDĐT; 25/07/2025
23	Thương mại điện tử	7340122	67/QĐ-BGDĐT; 25/07/2025
24	Quan hệ công chúng	7320108	68/QĐ-BGDĐT; 21/07/2025
25	Truyền thông đa phương tiện	7320104	69/QĐ-BGDĐT; 25/07/2025
II. Trình độ thạc sĩ			
1	Quản trị kinh doanh	8340101	40/QĐ-BGDĐT; 7/1/2015
2	Công nghệ thông tin	8480101	4875/QĐ-BGDĐT; 16/11/2015
3	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh	8140111	597/QĐ-BGDĐT; 25/2/2016
4	Đông Phương học	8310608	185/QĐ-BGDĐT; 22/1/2019
5	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	8510605	483/QĐ-BVU; 05/01/2024
III. Trình độ tiến sĩ			
1	Quản trị kinh doanh	9340101	357/QĐ-BGDĐT; 25/1/2022

2.1.2. Quy mô đào tạo

Quy mô đào tạo hiện nay của Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu là 5.870 SV-HV-NCS, trong đó:

- Nghiên cứu sinh: 04 Nghiên cứu sinh
- Thạc sĩ: 271 học viên
- Đại học: 45.496 người học
- Liên thông, văn bằng hai và vừa làm vừa học: 99 sinh viên.

Hiện nay, tất cả các bậc đào tạo của BVU đều được đào tạo theo tín chỉ

2.2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu

Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu hiện có 232 cán bộ, giảng viên cơ hữu, chuyên viên, nhân viên, trong đó:

- + Giáo sư: 01 người;
- + Phó giáo sư: 05 người;
- + Tiến sĩ: 40 người;
- + Thạc sĩ: 136 người;

+ Đại học: 29 người.

+ Khác: 21 người.

Cán bộ, giảng viên của ngành HTTTQL gồm có 23 người, trong đó:

+ Phó Giáo sư: 01 người;

+ Tiến sĩ: 06 người;

+ Thạc sĩ: 16 người;

2.2.1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học

Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong CTĐT của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo.

Danh sách giảng viên, nhà khoa học được trình bày trong Biểu mẫu 1 – Phụ lục 03 của đề án.

2.2.2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo của ngành Hệ thống thông tin quản lý

Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần của ngành HTTTQL được trình bày trong Biểu mẫu 2 – Phụ lục 03 của đề án.

2.2.3. Danh sách cán bộ quản lý đối với ngành đại học Hệ thống thông tin quản lý

Danh sách cán bộ quản lý đối với ngành HTTTQL được trình bày trong Biểu mẫu 3 – Phụ lục 03 của đề án.

2.2.4. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo

Bảng 2.2.4. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
I. Cán bộ phụ trách quản lý chuyên môn				
1	TS. Nguyễn Văn Chí	Tiến sĩ, 2011	Phân tích, xử lý thông tin và điều khiển	Chủ trì
2	TS. Trần Ngọc Hải	Tiến sĩ, 2021	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
3	TS. Trần Minh Tân	Tiến sĩ, 2015	Công nghệ thông tin	
4	TS. Nguyễn Thị Đức Loan	Tiến sĩ, 2020	Kinh doanh và quản lý	
5	TS. Nguyễn Thị Phương Thảo	Tiến sĩ, 2022	Quản trị kinh doanh	

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
II. Cán bộ phụ trách quản lý hành chính				
1	ThS. Trịnh Đình Cường	Thạc sĩ, 2017	Quản trị kinh doanh	
2	TS. Nguyễn Thị Đức Loan	Tiến sĩ, 2020	Kinh doanh và quản lý	
3	ThS. Nguyễn Thị Phương	Thạc sĩ, 2023	Quản trị kinh doanh	
4	ThS. Nguyễn Thị Ánh Hoa	Thạc sĩ, 2010	Kế toán tài chính	

2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

2.3.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Cơ sở đào tạo của Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu (BVU) hiện sở hữu tổng cộng 135 phòng phục vụ giảng dạy, học tập và làm việc, với tổng diện tích sàn xây dựng lên tới 10.584 m². Quy mô này đảm bảo không gian rộng rãi cho hoạt động học thuật:

Phòng học lý thuyết: Trường có 37 phòng học lớn (từ 50 đến hơn 200 chỗ) với tổng diện tích trên 4.544 m², có 27 phòng học dưới 50 chỗ với tổng diện tích 1.350 m² hoàn toàn có khả năng đáp ứng nhu cầu học lý thuyết các môn đại cương và chuyên ngành.

Phòng thực hành máy tính: Hiện tại, Trường đã trang bị 369 máy vi tính để phục vụ các học phần thực hành, với tỷ lệ 1 sinh viên/máy. Cơ sở hạ tầng này là đủ để đáp ứng các môn học nền tảng về Lập trình, Cơ sở dữ liệu và Toán ứng dụng cho các khóa đầu tiên.

Danh mục phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy được trình bày trong Biểu mẫu 6 – Phụ lục 03 của đề án.

2.3.2. Thư viện

- Tổng diện tích thư viện: 370 m² trong đó diện tích phòng đọc: 175 m²
- Số chỗ ngồi: 100; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 12
- Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0, DSPACE 5.9
- Thư viện điện tử: truy cập qua Cổng thông tin thư viện <https://bvu.edu.vn/thu-vien/>

Tại đây, giảng viên, HV-SV của Trường có thể tra cứu tất cả tài liệu truyền thống của Thư viện thông qua Thư mục trực tuyến OPAC-Libol (<https://lib.bvu.edu.vn/>) với hơn 12.500 đầu sách; tra cứu hơn 16.500 tài liệu số, tài liệu nội sinh của Trường bằng phần mềm DSPACE (<http://thuvienso.bvu.edu.vn>); truy cập, sử dụng hơn 2,2 triệu tài liệu tên trang tài liệu số do Trường ký hợp đồng liên kết với Công ty TNHH Tài liệu trực tuyến VINA - Tailieu.vn (<http://tailieu.bvu.edu.vn>).

Ngoài ra, giảng viên và người học còn được kết nối – truy cập đến Thư viện số của 70 Trường Đại học thông qua Trung tâm Kết nối Tri thức số thuộc Liên chi hội Thư viện Đại học phía Bắc (NALA).

Thông kê số lượng tài liệu:

- Tài liệu truyền thống (quản lý bằng phần mềm Libol 6.0): 12.624 nhan đề/ 31.922 bản;
- Tài liệu số, tài liệu nội sinh (quản lý bằng DSPACE 5.9): 16.671 tài liệu;
- Liên kết với Tailieu.vn: hơn 2,2 triệu tài liệu.

Thư viện Nhà trường có nguồn tài liệu, giáo trình phong phú, được trang bị máy tính để truy cập và khai thác nguồn tài nguyên thông tin. Phần mềm quản lý thư viện được sử dụng và phát huy có hiệu quả trong quá trình lưu trữ, quản lý, khai thác và sử dụng tài liệu. Giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ đào tạo ngành đăng ký đã được trang bị đầy đủ, đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu đọc, tra cứu của người học và cán bộ giảng viên. Ngoài ra nhà trường còn liên kết với Thư viện số của nhiều trường đại học khác để làm phong phú thêm nguồn tài nguyên thông tin, phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu và giảng dạy trong nhà trường.

Danh mục tài liệu, giáo trình của ngành HTTTQL được trình bày trong Biểu mẫu 7,8 – Phụ lục 03 của đề án.

2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học

BVU nằm trong địa phương có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế, bao gồm du lịch biển, nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy sản, cảng biển và logistics. Nhà trường nhận định rõ vai trò dẫn đầu, tiên phong của Nhà trường đối với hoạt động khoa học công nghệ của Tỉnh nhà, xác định mục tiêu đào tạo và NCKH phục vụ cho việc cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương và toàn quốc.

Mục tiêu hàng đầu của Trường là đào tạo ra nguồn nhân lực có trình độ cao. Để đạt được mục tiêu đó, Nhà trường xác định nhiệm vụ hàng đầu là nâng cao chất lượng đào tạo, hoạt động đào tạo gắn liền với NCKH, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế. Chính vì vậy, Nhà trường luôn chú trọng, quan tâm đến công tác NCKH và chuyển giao công nghệ.

Với những bước chuyển mình tích cực và luôn thay đổi cập nhật không ngừng trong hoạt động khoa học công nghệ qua hơn 17 năm hình thành và phát triển, BVU đạt được các kết quả khả quan và tích cực về hoạt động khoa học công nghệ đáng kể như: thực hiện một hợp đồng dự án nghiên cứu thử nghiệm cấp quốc gia, các hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh/ thành phố đã và đang được nghiệm thu, chuyển giao công nghệ; hoạt động hợp tác với doanh nghiệp, hợp tác nghiên cứu với các cơ sở đào tạo nước ngoài, hợp đồng tư vấn khoa học kỹ thuật,...

Về chuyển giao công nghệ, trong hai năm 2017 và 2018, BVU đã tiến hành chuyển giao 03 công nghệ bao gồm: 1) Quy trình sản xuất chocolate từ bột nhão; 2) Sử dụng vi sinh để lên men hạt cacao; 3) Quy trình sản xuất tinh dầu bạch đàn. Các sản phẩm này

đều được thương mại hóa sau khi chuyển giao công nghệ. Từ năm 2018, kết quả nghiên cứu thiết kế và chế tạo hệ thống quan trắc tự động chất lượng nước đã được ứng dụng thử nghiệm tại sông Chà Và – tỉnh BRVT và phục vụ nuôi trồng thủy sản tại tỉnh BRVT.

Nhà trường còn có một số khối lượng khá lớn các giải thưởng NCKH của Tỉnh, Sở, Bộ và Quốc gia. Ngoài BVU đạt nhiều giải thưởng từ các cuộc thi do Nhà trường tổ chức, tạo sân chơi về NCKH cho người học và cán bộ, giảng viên thì còn có hơn 100 giải thưởng từ các cuộc thi NCKH cấp tỉnh, thành phố, toàn quốc mà cán bộ giảng viên và người học của trường đã đạt được, trong đó có những giải thưởng cao như giải Nhì Hội thi khoa học người học toàn quốc “Olympic Kinh tế lượng và ứng dụng” trong 4 năm liền, giải Nhì và Ba cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Tỉnh BRVT năm 2017, giải Nhì ở cuộc thi Ý tưởng khoa học công nghệ tỉnh BRVT, giải Ba cuộc thi sáng tạo kỹ thuật Tỉnh BRVT,...

Đến nay, đã có hơn 170 đề tài NCKH cấp trường đang được thực hiện, trong đó có 27 đề tài NCKH đạt giải Ý tưởng khoa học công nghệ cấp tỉnh và có 9 đề tài đạt giải sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp tỉnh, 1 đề tài là dự án sản xuất thử nghiệm cấp quốc gia và 2 đề tài là dự án NCKH và phát triển công nghệ cấp tỉnh; hơn 700 bài công bố trên các tạp chí/ kỷ yếu trong và ngoài nước. Trong số các công bố thuộc Nhà trường, có hơn 200 bài công bố trên các tạp chí/ kỷ yếu quốc tế, đặc biệt có hơn 40 bài thuộc hệ thống ISI/Scopus, 350 bài công bố trên các tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước.

Trong giai đoạn 5 năm gần đây, Nhà trường đã xuất bản 9 số Tập san Khoa học và Đào tạo; 3 kỷ yếu hội thảo, nghiệm thu hơn 70 giáo trình và xuất bản 03 số Tạp chí khoa học BVU. Sự ra đời của Tạp chí góp phần hoàn thiện năng lực và chất lượng nghiên cứu của giảng viên, bồi dưỡng và chuẩn bị những kỹ năng, điều kiện, chuẩn mực cần thiết để hội nhập với cộng đồng NCKH của khu vực, nâng cao uy tín và vị thế của Nhà trường.

Hoạt động hội thảo, hội nghị, tọa đàm về NCKH cũng được Nhà trường quan tâm và tổ chức thường niên, tạo cơ hội, môi trường trao đổi và phát triển về học thuật và nghiên cứu. Những năm gần đây, Nhà trường tăng cường kết nối với các tổ chức uy tín để đồng tổ chức các hội thảo khoa học có tính học thuật cao và quy mô lớn như: Hội nghị Quốc tế “Thiết bị nông nghiệp thông minh 2015”, Hội thảo quốc tế “Hệ thống và ứng dụng cảm ứng cảnh” ICCASA 2015; Hội nghị quốc tế và công nghệ thực phẩm - ASEAN FOOD 2017; Hội thảo quốc gia về phát triển du lịch trong thời đại 4.0 2018; phối hợp với Viện Nghiên cứu máy tính thế hệ mới Hàn Quốc (KING) tổ chức Hội thảo quốc tế “Máy tính thế hệ mới lần thứ 4 năm 2018”; Hội thảo quốc tế “Phát triển Logistics Việt Nam ngang tầm quốc tế” 2022; Hội thảo quốc tế thường niên kinh tế lượng lần thứ năm – ECONVN 2022; Hội thảo quốc gia “Kế toán và Tài chính – Ngân hàng trong nền kinh tế số” 2022; Hội thảo quốc gia “Giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững” 2023.

Bảng 2.4. Danh mục hội thảo do BVU tổ chức

STT	Tên hội thảo	Loại hội thảo	Thời gian thực hiện
1	Đào tạo nhân lực phát triển Logistics và hệ thống cảng biển Cái Mép - Thị Vải ngang tầm quốc tế	Quốc tế	2023
2	Hội thảo quốc gia “Giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững”	Quốc gia	2023
3	Nhu cầu và giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao Cảng biển và Logistics Việt Nam	Quốc gia	2022
4	Phát triển Logistics Việt Nam ngang tầm quốc tế	Quốc tế	2021

Với các kết quả như trên, có thể thấy được sự đổi mới, phát triển khoa học công nghệ của nhà trường trong chặng đường hơn 19 năm hình thành và phát triển. Lãnh đạo Nhà trường cùng tập thể cán bộ giảng viên và HV-SV đã luôn cố gắng không ngừng trong công cuộc xây dựng và phát triển hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường.

Cụ thể năng lực NCKH của Khoa Kinh tế- Luật, BVU như sau:

- Danh mục các đề tài NCKH của giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành ngành HTTTQL được trình bày trong Biểu mẫu 4 – Phụ lục 03 của đề án.

- Danh mục các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành ngành HTTTQL trong thời gian qua tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành ngành HTTTQL trình độ đại học được trình bày trong Biểu mẫu 5 – Phụ lục 03 của đề án.

2.5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Xác định lĩnh vực HTTTQL là lĩnh vực đào tạo mũi nhọn cung ứng nguồn nhân lực cho địa phương và cả nước, Nhà trường đã đi đến kí kết thỏa thuận hợp tác với các đối tác với mong muốn hợp tác sâu rộng trong hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học công nghệ trong lĩnh vực HTTTQL.

Bảng 2.5. Danh sách các đối tác quốc tế đã ký kết về liên kết đào tạo trong lĩnh vực Hệ thống thông tin quản lý

STT	Đối tác	Năm kí kết
1	Youngsan University (Korea)	2017
2	National Cheng Kung University (Taiwan)	2018
3	National University of Kaohsiung (Taiwan)	2018
4	Osaka International University (Japan))	2018

STT	Đối tác	Năm kí kết
5	Wonkwang University (Korea)	2019
6	Providence University (Taiwan)	2019
7	Busan University of Foreign Studies (Korea)	2019
8	University Surabaya (Indonesia)	2019
9	Fukuoka Jo Gakuin University (Japan)	2020
10	Humphreys University (USA)	2020
11	Liverpool John Moores University	2021
12	The Asian-German Knowledge Network for Transport and Logistics (AGKN) (Đức)	2021
13	University Sains Malaysia (Malaysia)	2021
14	BaekSeok University (Korea)	2022
15	Tongmyong University (Korea)	2022
16	ACCA & VACPA (Anh Quốc và Việt Nam)	2022

Dựa trên các thỏa thuận hợp tác Nhà trường và đối tác mong muốn đi đến các hoạt động hợp tác toàn diện thông qua trao đổi giảng viên, sinh viên; tham gia giảng dạy, xây dựng CTĐT, tổ chức hội nghị, hội thảo và NCKH... nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và uy tín của Nhà trường trong lĩnh vực HTTTQL.

2.6. Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo

Với định hướng đào tạo ứng dụng, BVU nói chung và ngành HTTTQL nói riêng luôn chú trọng công tác kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp trong ngành nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và tăng cường trải nghiệm thực tế cho sinh viên. Nhà trường đã đi đến kí kết thỏa thuận hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực HTTTQL.

Bảng 2.6. Danh sách các tổ chức, doanh nghiệp đã ký kết về liên kết đào tạo trong lĩnh vực Hệ thống thông tin quản lý

STT	Đối tác	Năm ký kết
1	Alivila Hotel Management - Nhật Bản	2018
2	Công ty cổ phần KOWA CONSULTANT SERVICE - Việt Nam	2018

STT	Đối tác	Năm ký kết
3	OKinawa UDS - Nhật Bản	2018
4	Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc – Koica	2019
5	Student Exchange Nippon Discovery	2019
6	Công ty KYODAI - Việt Nam	2019
7	Hiệp hội giao lưu quốc tế về giáo dục và y tế (IFEME)	2021
8	Công ty TNHH Abroad - Việt Nam	2021
9	Hiệp hội doanh nghiệp Đài Loan	2022
10	VACPA - Việt Nam	2022
11	Công ty TNHH SMC Vietnam	2022

PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Thông tin chung

3.1.1. Tên chương trình đào tạo: Hệ thống thông tin quản lý

3.1.2. Trình độ đào tạo: Đại học

3.1.3. Ngành đào tạo:

- Tên tiếng việt: Hệ thống thông tin quản lý

- Tên tiếng Anh: Management Information Systems - MIS

3.1.4. Mã ngành: 7340405

3.1.5. Hình thức đào tạo: Chính quy

3.1.6. Thời gian đào tạo: 3,5 năm

3.1.7. Tổng khối lượng kiến thức: 152 tín chỉ (120 tín chỉ tích lũy và 32 tín chỉ không tích lũy).

3.1.8. Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân Hệ thống thông tin quản lý

- Tên tiếng Anh: Bachelor of Management Information Systems

3.1.9. Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu

3.1.10. Vị trí việc làm, khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp ngành HTTTQL, cử nhân tốt nghiệp ngành HTTTQL có thể đảm nhận nhiều công việc khác nhau liên quan đến thiết kế, vận hành, phân tích và quản lý các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động quản trị, điều hành và ra quyết định trong tổ chức, doanh nghiệp, cụ thể:

- Chuyên viên phân tích nghiệp vụ và hệ thống trong các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, thương mại, dịch vụ và sản xuất như: Chuyên viên phân tích nghiệp vụ; Chuyên viên phân tích hệ thống thông tin; Chuyên viên cải tiến và tối ưu hóa quy trình nghiệp vụ; Chuyên viên tư vấn giải pháp công nghệ thông tin cho doanh nghiệp.
- Chuyên viên quản lý và khai thác dữ liệu phục vụ quản trị có thể đảm nhiệm các công việc liên quan đến thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu phục vụ quản lý và ra quyết định như: Chuyên viên hệ thống thông tin quản lý; Chuyên viên phân tích dữ liệu cấp độ cơ bản; Chuyên viên báo cáo quản trị; Chuyên viên hỗ trợ ra quyết định quản lý.
- Chuyên viên quản trị hệ thống và ứng dụng doanh nghiệp làm việc tại phòng Công nghệ thông tin hoặc phòng Chuyển đổi số của doanh nghiệp, tổ chức như: Chuyên viên quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp; Chuyên viên quản trị cơ sở dữ liệu; Chuyên viên vận hành và hỗ trợ hệ thống phần mềm quản lý; Chuyên viên hỗ trợ kỹ thuật và ứng dụng CNTT trong doanh nghiệp.

- Chuyên viên liên quan đến hệ thống ERP và phần mềm quản trị doanh nghiệp như: Chuyên viên triển khai hệ thống ERP; Chuyên viên tư vấn hệ thống ERP; Chuyên quản lý và vận hành hệ thống kế toán - tài chính - nhân sự trên nền tảng ERP.

3.2. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên Hệ thống thông tin quản lý được xây dựng dựa trên những căn cứ sau:

1. Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;
2. Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
3. Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;
4. Quyết định 1982/QĐ-TTg 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
5. Quyết định số 27/2006/QĐ-TTg ngày 27 tháng 1 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu;
6. Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ đại học;
7. Thông tư số 17/2021/TTBGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về chuẩn chương trình đào, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
8. Thông tư số 02/2012/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
9. Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
10. Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
11. Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

12. Quyết định số 03/QĐ-BVU ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu về Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu;

13. Quyết định số 191/QĐ-BVU ngày 06 tháng 09 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu;

14. Nghị quyết số 528/NQ-HĐT ngày 11 ngày 12 năm 2025 của Hội đồng trường phê duyệt Chiến lược Phát triển ngành đào tạo của trường Đại học Bà Rịa- Vũng Tàu năm học 2026-2027.

15. Nghị quyết số 568/NQ-BVU ngày 12 ngày 12 năm 2025 của Hội đồng trường phê duyệt chủ trương mở ngành Hệ thống thông tin quản lý trình độ đại học.

3.3. Mục tiêu đào tạo

3.3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý nhằm đào tạo cử nhân có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội; có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp, kinh tế và công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu quản lý trong môi trường kinh doanh hiện đại. Người học được trang bị năng lực phân tích nghiệp vụ quản lý, tổ chức và khai thác dữ liệu, thiết kế, vận hành và quản lý các hệ thống thông tin phục vụ công tác quản trị, điều hành và hỗ trợ ra quyết định trong doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế.

Chương trình hướng đến việc hình thành tư duy quản trị hiện đại, khả năng ứng dụng hiệu quả hệ thống thông tin quản lý, phần mềm quản trị doanh nghiệp và công nghệ số trong bối cảnh chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý có khả năng làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực quản lý doanh nghiệp đa ngành, thích ứng linh hoạt với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ và yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động.

Bên cạnh đó, chương trình chú trọng phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, năng lực tự học và tự nghiên cứu, tạo nền tảng cho người học phát triển nghề nghiệp bền vững, học tập ở trình độ cao hơn hoặc tham gia nghiên cứu, giảng dạy trong lĩnh vực hệ thống thông tin quản lý.

3.3.2. Mục tiêu cụ thể:

Kiến thức	
PO1	Cung cấp cho người học đầy đủ kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, quốc phòng an ninh, ngoại ngữ, tin học...
PO2	Trang bị người học đầy đủ các kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành trong lĩnh vực kế toán, quản lý, hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu, hệ thống

	hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) và hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong doanh nghiệp.
Kỹ năng	
PO3	Phát triển kỹ năng sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, ngoại ngữ, kỹ năng mềm phục vụ cho trong lĩnh vực hệ thống thông tin quản lý.
PO4	Vận dụng tư duy phân tích, tư duy hệ thống và kỹ năng giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kế toán, tài chính và quản trị doanh nghiệp. Kỹ năng sử dụng và hỗ trợ triển khai các phần mềm kế toán, tài chính và hệ thống ERP trong môi trường doanh nghiệp.
Mức tự chủ và trách nhiệm	
PO5	Bồi dưỡng, rèn luyện cho người học phẩm chất chính trị, đạo đức, nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội và sức khỏe phục vụ công việc, bảo vệ đất nước.
PO6	Hình thành cho người học khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự học, học tập suốt đời để thích ứng trong mọi điều kiện làm việc thuộc lĩnh vực công nghệ quản lý.

3.4. Chuẩn đầu ra

3.4.1. Chuẩn đầu ra

Kiến thức	
PLO1	Người học vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.
PLO2	Người học vận dụng kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc, có năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 khung trình độ quốc gia Việt Nam.
PLO3	Người học vận dụng được kiến thức nền tảng, tổng hợp các nguyên lý cơ bản về quản trị học, kế toán, tài chính và công nghệ thông tin để phân tích và ứng dụng bối cảnh vận hành của doanh nghiệp.
PLO4	Người học có khả năng vận dụng, đánh giá về nguyên lý vận hành của các hệ thống thông tin quản lý hiện đại, hiểu rõ kiến trúc, chức năng và vai trò của các hệ thống ERP (như SAP, Oracle), CRM (như Salesforce) và BI (Business Intelligence) trong hoạt động quản trị doanh nghiệp.

Kiến thức	
PLO5	Người học phân tích được cấu trúc dữ liệu kinh tế, cách tổ chức kho dữ liệu để phục vụ việc báo cáo và dự báo xu hướng thị trường, các mô hình kinh doanh mới, kinh tế nền tảng và các quy định pháp lý về giao dịch điện tử.
PLO6	Người học có khả năng tổng hợp hoạt động thực tế của doanh nghiệp, nhận diện vai trò của từng hệ thống trong chuỗi giá trị quản lý, từ đó đề xuất giải pháp ứng dụng phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và năng lực cạnh tranh của tổ chức.
Kỹ năng	
PLO7	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, thành thạo công nghệ thông tin, xử lý các vấn đề khoa học, xã hội, chính trị liên quan đến hệ thống thông tin quản lý. Bên cạnh đó, người học được trang bị các kỹ năng mềm như giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm.
PLO8	Thiết kế và mô hình hóa được quy trình nghiệp vụ và luồng thông tin kế toán - tài chính - quản trị trên nền tảng hệ thống thông tin. Khai thác, xử lý và phân tích dữ liệu để lập báo cáo kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo quản trị phục vụ quản lý doanh nghiệp.
PLO9	Sử dụng và hỗ trợ triển khai các phần mềm kế toán, tài chính và hệ thống ERP trong môi trường doanh nghiệp. Ứng dụng các công cụ công nghệ thông tin và phân tích dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định quản trị tài chính - kinh doanh.
PLO10	Thực tập tham gia vận hành, giám sát và cải tiến hệ thống thông tin quản lý và hệ thống thông tin kế toán - tài chính trong doanh nghiệp. Hiểu cơ chế phối hợp hiệu quả giữa bộ phận kế toán - tài chính - quản trị - công nghệ thông tin trong quá trình triển khai và sử dụng hệ thống thông tin.
Mức tự chủ và trách nhiệm	
PLO11	Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, thích ứng với thay đổi công nghệ và định hướng phát triển nghề nghiệp lâu dài trong lĩnh vực kinh tế - quản lý. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Bản lĩnh, tự tin với kiến thức đã học;
PLO12	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, pháp luật về kế toán – tài chính – dữ liệu, đảm bảo tính trung thực, bảo mật và trách nhiệm xã hội.
PLO13	Có sự đam mê nghề nghiệp, tinh thần học tập tự giác cao độ, luôn cập nhật kiến thức và sáng tạo trong học tập thông qua các hoạt động học thuật trong và ngoài trường và không ngừng học tập nâng cao kiến thức chuyên môn.

3.4.2. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)													Tổng
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
PO1	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	12
PO2	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	12
PO3	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	12
PO4		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	12
PO5		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	12
PO6		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	12
Tổng	3	3	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	

3.4.3. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Học phần	Học kỳ bố trí	Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình												
				P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
				L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
				O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																
1	0101122791	Triết học Mác - Lênin	4	X							X				X	
2	0101122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	5	X							X				X	
3	0101060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	6	X							X				X	

TT	Mã học phần	Học phần	Học kỳ bố trí	Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình												
				P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
				L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
				O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	0101060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	7	x						x				x		
5	0101060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8	x						x				x		
6	0101123622	Tiếng Anh giao tiếp	1	x						x				x		
7	0101123675	Tiếng Anh thương mại A1	2	x						x				x		
8	0101123676	Tiếng Anh thương mại A2	3	x						x				x		
9	0101123677	Tiếng Anh thương mại A3	4	x						x				x		
10	0101124301	Tiếng Anh văn phòng	5	x						x				x		

TT	Mã học phần	Học phần	Học kỳ bố trí	Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình												
				P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
				L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
				O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
11	0101124678	Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng	1		x	x					x			x	x	
12	0101124679	Nguyên lý lập trình	2		x	x					x			x	x	x
13	0101123710	Pháp luật hợp đồng	2		x	x					x			x	x	x
14	0101124682	Lý thuyết xác suất và thống kê	3		x	x					x			x	x	x
15	0101124676	Nhập môn ngành Hệ thống thông tin quản lý	1		x	x					x			x	x	x
II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH																
16	0101100031	Kinh tế học	1			x	x				x	x		x	x	

TT	Mã học phần	Học phần	Học kỳ bố trí	Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình												
				P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
				L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
				O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
17	0101124320	Quản trị doanh nghiệp	6			x	x				x	x		x	x	
18	0101100050	Nguyên lý kế toán	2			x	x				x	x		x	x	
19	0101124685	Hệ thống thông tin quản lý	3			x	x				x	x		x	x	
20	0101124686	Cơ sở lập trình	3			x	x				x	x		x	x	
21	0101110011	Cơ sở dữ liệu	4			x	x				x	x		x	x	
22	0101110054	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4			x	x				x	x		x	x	
III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH																
Kiến thức bắt buộc																
23	0101124023	Hệ thống thông tin kế toán	4				x	x				x	x		x	x
24	0101124687	Hệ quản trị dữ liệu	5				x	x				x	x		x	x

TT	Mã học phần	Học phần	Học kỳ bố trí	Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình												
				P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
				L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
				O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
25	0101124688	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	5				x	x				x	x		x	x
26	0101124692	An toàn thông tin	5				x	x				x	x		x	x
27	0101124698	Khai thác dữ liệu	6				x	x				x	x		x	x
28	0101124715	Quản lý dự án hệ thống thông tin	6				x	x				x	x		x	x
29	0101124701	Phát triển các ứng dụng trong quản lý	7				x	x				x	x		x	x
30	0101124702	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	7				x	x				x	x		x	x

TT	Mã học phần	Học phần	Học kỳ bố trí	Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình												
				P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
				L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
				O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
31	0101124703	Hệ thống thông tin quản lý và thanh toán số	7				x	x				x	x		x	x
32	0101124704	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong KD và quản lý	8				x	x				x	x		x	x
Kiến thức tự chọn																
33	0101124705	Lập trình trên thiết bị di động	8				x	x				x	x		x	x
34	0101124706	Điện toán đám mây	8				x	x				x	x		x	x
35	0101124709	Hệ thống quản lý chuỗi cung ứng	8				x	x				x	x		x	x
36	0101124714	Phân tích kinh doanh	8				x	x				x	x		x	x

TT	Mã học phần	Học phần	Học kỳ bố trí	Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình												
				P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
				L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
				O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Người học viết khóa luận hoặc học các học phần thay thế																
42	0101100102	Khóa luận tốt nghiệp	10	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
Các học phần thay thế khóa luận																
42a	0101124026	Kỹ năng tìm việc và khởi nghiệp	10			x	x	x			x		x		x	
42b	0101124710	Quản trị quá trình kinh doanh	10				x	x				x	x		x	x
42c	0101124711	Khai phá Dữ liệu & Business Intelligence	10					x	x			x	x		x	x
42d	0101123066	Hệ hỗ trợ ra quyết định	10					x	x			x	x		x	x
VI. KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG																
43	0101060029	Giáo dục quốc	3	x						x				x		

TT	Mã học phần	Học phần	Học kỳ bố trí	Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình												
				P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
				L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
				O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
		phòng và an ninh*														
44	0101060024	Giáo dục thể chất 1*	1	x						x				x		
45	0101060025	Giáo dục thể chất 2*	2	x						x				x		
46	0101060026	Giáo dục thể chất 3*	3	x						x				x		
47	0101123671	Tiếng Anh CDR 1*	5	x						x				x		
48	0101123672	Tiếng Anh CDR 2*	6	x						x				x		
49	0101123673	Tiếng Anh CDR 3*	7	x						x				x		
50	0101123674	Tiếng Anh CDR 4*	8	x						x				x		
51	0101123664	Mos Word*	2	x						x				x		

TT	Mã học phần	Học phần	Học kỳ bố trí	Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình												
				P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
				L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
				O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
52	0101123665	Mos Excel*	3	x						x				x		
53	0101121911	Mos Powerpoint*	4	x						x				x		
54	0101124734	Lập trình Python cho máy học*	7				x	x				x	x		x	x

3.5. Tuyển sinh

3.5.1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

1. Xét tuyển thẳng: Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

2. Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp (TN) THPT:

Điểm xét tuyển: Điểm thi TN THPT của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển + Điểm ưu tiên.

3. Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 3 môn lớp 12:

Điểm xét tuyển: Điểm trung bình lớp 12 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển + Điểm ưu tiên.

4. Xét tuyển kết quả các kỳ thi ĐGNL năm 2026.

5. Xét tuyển tổng hợp: Điểm xét tuyển: Điểm thi TN THPT + Điểm trung bình lớp 12 + Điểm cộng + Điểm ưu tiên.

3.5.2. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

- Tuyển sinh, mở rộng phạm vi trong và ngoài nước. Tuyển sinh theo Quy định của Bộ GD&ĐT và Quy định của Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Thí sinh phải đảm bảo 02 điều kiện: tốt nghiệp THPT và tổng điểm trung bình năm lớp 12 của 03 môn trong tổ hợp môn xét tuyển theo quy định tuyển sinh.

3.6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

3.6.1. Quy trình đào tạo

CTĐT được thực hiện theo học chế tín chỉ phù hợp.

Quy trình đào tạo của ngành hệ thống thông tin quản lý hệ đại học chính quy được thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường.

3.6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp của ngành hệ thống thông tin quản lý tuân thủ theo quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Bộ GD&ĐT, của Nhà trường. Người học tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt CDR công nghệ thông tin và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của BVU.

3.6.3. Hướng dẫn, đánh giá và thẩm định học phần tốt nghiệp chương trình định hướng ứng dụng/định hướng nghiên cứu

a. Người học tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, chương trình định hướng ứng dụng phải thực hiện một học kỳ doanh nghiệp 10 tín chỉ và học phần tốt nghiệp 08 tín chỉ dưới hình thức khóa luận tốt nghiệp hoặc học học phần thay thế tốt nghiệp.

Học kỳ doanh nghiệp (HKDN) là giai đoạn chuyển tiếp giữa môi trường học tập với xã hội thực tiễn, là thời kỳ vừa làm vừa học của sinh viên. HKDN giúp người học có nhiều trải nghiệm về công việc và môi trường làm việc trước khi tốt nghiệp ra trường và đi làm. Theo quy định của Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu, HKDN được bố trí vào học kỳ 09 của CTĐT, bao gồm 03 học phần (10 tín chỉ): Thực tập tốt nghiệp (04 tín chỉ), Văn hóa doanh nghiệp (03 tín chỉ), và Thực hành kỹ năng nghề nghiệp (03 tín chỉ)

HKDN là mô hình gắn kết giữa Người học – Doanh nghiệp – Nhà trường giàu tính thực tiễn mà BVU đặc biệt chú trọng nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thích ứng nhanh với môi trường làm việc chuyên nghiệp trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng. Với bước đi mạnh mẽ này, BVU khẳng định rõ hơn vai trò tiên phong trong đổi mới các hoạt động đào tạo, đặc biệt chú trọng gắn liền lý thuyết với thực tiễn, giúp người học nhanh chóng thích nghi với thị trường lao động trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0

Để đảm bảo chất lượng HKDN, Khoa Quản trị - Luật đã xây dựng tiêu chuẩn lựa chọn doanh nghiệp tham gia. Doanh nghiệp phải có chuyên môn phù hợp với chủ đề thực tập, đảm bảo người học được tham gia các hoạt động chuyên môn, có thể tiếp cận dữ liệu cần thiết, và có nhân sự hướng dẫn có trình độ. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng phải đồng ý ký hợp đồng thực tập và tham gia đánh giá kết quả thực tập của sinh viên. Đánh giá kết quả HKDN được thực hiện theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Mỗi học phần có cách thức đánh giá riêng: Văn hóa doanh nghiệp và Thực hành kỹ năng nghề nghiệp được đánh giá bởi người hướng dẫn tại doanh nghiệp, trong khi Thực tập tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn.

b. Khóa luận được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng. Buổi bảo vệ được tổ chức công khai trừ những đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước.

c. Báo cáo khóa luận là một bản thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án, đáp ứng các yêu cầu theo quy định nhà trường.

d. Người học theo học CTĐT phải thực hiện một học phần tốt nghiệp 08 tín chỉ dưới hình thức luận văn tốt nghiệp. Các hướng nghiên cứu có thể lựa chọn như sau:

TT	Hướng nghiên cứu	Người hướng dẫn
1	Nâng cao hiệu quả ra quyết định quản trị tại doanh nghiệp thông qua hệ thống thông tin quản lý	TS. Nguyễn Thị Đức Loan
2	Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán phục vụ quản trị chi phí tại doanh nghiệp	TS. Nguyễn Văn Chí
3	Ứng dụng BI trong phân tích hiệu quả kinh doanh phục vụ quản trị tại doanh nghiệp X	TS. Trần Ngọc Hải
4	Đánh giá hiệu quả ứng dụng hệ thống ERP trong quản trị doanh nghiệp	ThS. Nghiêm Phúc Hiếu
5	Ứng dụng hệ thống thông tin quản lý trong quản trị chuỗi cung ứng tại doanh nghiệp	TS. Trần Minh Tân
6	Ứng dụng hệ thống thông tin nhân sự trong nâng cao hiệu quả quản trị nguồn nhân lực tại doanh nghiệp	TS. Nguyễn Thị Phương Thảo
7	Chuyển đổi số trong quản trị doanh nghiệp: Vai trò của hệ thống thông tin quản lý	NCS.ThS. Trịnh Đình Cường
8	Hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ quản trị tài chính tại doanh nghiệp	ThS. Nghiêm Phúc Hiếu
9	Đánh giá mức độ sẵn sàng triển khai MIS tại doanh nghiệp nhỏ và vừa	TS. Huỳnh Văn Huy
10	Ứng dụng hệ thống thông tin trong quản trị rủi ro doanh nghiệp	ThS. Nguyễn Thị Ánh Hoa

3.7. Thông tin chương trình đào tạo

3.7.1. Tổng thời gian đào tạo: 3,5 năm

3.7.2. Tổng khối lượng học tập, nghiên cứu: 152 tín chỉ.

3.7.3. Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ	TỈ LỆ
I. KIẾN THỨC TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG			
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	40	33,33%

STT	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ	TỈ LỆ
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	80	66,67%
2.1	Cơ sở ngành, chuyên ngành	62	
2.2	Học kỳ doanh nghiệp	10	
2.3	Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế	8	
TỔNG CỘNG		120	100%
II. KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG			
1	Giáo dục quốc phòng và an ninh	08*	
2	Giáo dục thể chất	03*	
3	Chuẩn đầu ra công nghệ thông tin	06*	
4	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ	12*	
5	Chuẩn đầu ra kỹ năng mềm	03*	
TỔNG CỘNG		32*	
<i>Ghi chú: 120 tín chỉ tích lũy tính điểm trong chương trình đào tạo và 32 tín chỉ có ký hiệu (*) không tích lũy điểm, nhưng bắt buộc học để hoàn thiện chuẩn đầu ra</i>			

3.8. Khung chương trình đào tạo

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước/tiền quyết/song hành	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			40					11
1	0101122791	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	6		2
2	0101122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	4	122791(a)	1
3	0101060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	4	122792(a)	1
4	0101060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	4	060020(a)	1

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước/tiền quyết/ song hành	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
5	0101060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	4	060016(a)	1
6	0101123622	Tiếng Anh giao tiếp	3	3	0	6		
7	0101123675	Tiếng Anh thương mại A1	3	3	0	6		
8	0101123676	Tiếng Anh thương mại A2	3	3	0	6	123675(a)	
9	0101123677	Tiếng Anh thương mại A3	3	3	0	6	123676(a)	
10	0101124301	Tiếng Anh văn phòng	3	3	0	6		
11	0101124678	Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng	3	2	1	6		1
12	0101124679	Nguyên lý lập trình	3	3	0	6		
13	0101123710	Pháp luật hợp đồng	3	3	0	6		2
14	0101124682	Lý thuyết xác suất và thống kê	2	2	0	4		1



STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước/tiền quyết/song hành	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
15	0101124676	Nhập môn ngành Hệ thống thông tin quản lý	3	3	0	6		1
II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH			21					7
16	0101100031	Kinh tế học	3	3	0	6		1
17	0101124320	Quản trị doanh nghiệp	3	3	0	6		1
18	0101100050	Nguyên lý kế toán	3	3	0	6		1
19	0101124685	Hệ thống thông tin quản lý	3	2	1	6	124676(a)	1
20	0101124686	Cơ sở lập trình	3	2	1	6	124679(a)	1
21	0101110011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1	6	124676(a)	1
22	0101110054	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	2	1	6	124685(a)	1
III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			41					13
Kiến thức bắt buộc								1
23	0101124023	Hệ thống thông tin kế toán	3	2	1	6		1
24	0101124687	Hệ quản trị dữ liệu	3	2	1	6		1

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước/tiền quyết/ song hành	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
25	0101124688	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	2	1	6		1
26	0101124692	An toàn thông tin	3	2	1	6		1
27	0101124698	Khai thác dữ liệu	3	2	1	6	124687(a)	1
28	0101124747	Quản lý dự án hệ thông thông tin	3	2	1	6	124679(a)	
29	0101124701	Phát triển các ứng dụng trong quản lý	3	2	1	6		1
30	0101124702	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	3	0	6		1
31	0101124703	Hệ thống thông tin quản lý và thanh toán số	3	2	1	6		1
32	0101124704	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý	2	1	1	4	124678(a)	1

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước/tiền quyết/song hành	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
Kiến thức tự chọn								
33	0101124705	Lập trình trên thiết bị di động	3	2	1	6	124686(a)	1
34	0101124706	Điện toán đám mây	3	2	1	6		1
35	0101124709	Hệ thống quản lý chuỗi cung ứng	3	2	1	6		1
36	0101124714	Phân tích kinh doanh	3	2	1	6		
37	0101124717	Quản lý cơ sở dữ liệu trong kinh doanh	3	3	0	6		
38	0101124712	Tiếng Anh chuyên ngành hệ thống thông tin quản lý	3	2	1	6		1
IV. HỌC KỲ DOANH NGHIỆP			10					0
39	0101124429	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp	3	0	3	6		
40	0101124454	Văn hóa doanh nghiệp	3	0	3	6		
41	0101124473	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4	8		

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước/tiền quyết/song hành	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
V. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP/ HỌC PHẦN THAY THẾ			8					4
Người học chỉ thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế								
42	0101100102	Khóa luận tốt nghiệp	8	8	0	16	123629(a)	
Các học phần thay thế khóa luận								
42a	0101124026	Kỹ năng tìm việc và khởi nghiệp	2	1	1	4	123629(a)	1
42b	0101124710	Quản trị quá trình kinh doanh	2	2	0	4	123629(a)	1
42c	0101124711	Khai phá Dữ liệu & Business Intelligence	2	1	1	4	123629(a)	1
42d	0101123066	Hệ hỗ trợ ra quyết định	2	1	1	4	123629(a)	1
VI. KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG			32*					0
43	0101060029	Giáo dục quốc phòng và an ninh*	8*	5	3	16		
44	0101060024	Giáo dục thể chất 1*	1*	0	1	2		
45	0101060025	Giáo dục thể chất 2*	1*	0	1	2	060024(a)	

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước/tiền quyết/song hành	TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
46	0101060026	Giáo dục thể chất 3*	1*	0	1	2	060025(a)	
47	0101123671	Tiếng Anh CDR 1*	3*	3	0	6		
48	0101123672	Tiếng Anh CDR 2*	3*	3	0	6	123671(a)	
49	0101123673	Tiếng Anh CDR 3*	3*	3	0	6	123672(a)	
50	0101123674	Tiếng Anh CDR 4*	3*	3	0	6	123673(a)	
51	0101123664	Mos Word*	2*	1	1	4		
52	0101123665	Mos Excel*	2*	1	1	4	123664(a)	
53	0101121911	Mos Powerpoint*	2*	1	1	4	123665(a)	
54	0101124734	Lập trình Python cho máy học *	3*	2	1	6		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (120 tín chỉ tích lũy tính điểm trong chương trình đào tạo và 32 tín chỉ của các học phần có ký hiệu (*) không tích lũy điểm, nhưng bắt buộc học để hoàn thiện chuẩn đầu ra)			152					35

3.9. Kế hoạch đào tạo chi tiết

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)
Học kỳ 1				12	
Học phần bắt buộc				12	
1	124676	Nhập môn ngành Hệ thống thông tin quản lý	0101124676	3(3,0,6)	
2	123622	Tiếng Anh/Tiếng Nhật giao tiếp	0101123622	3(3,0,6)	
3	124678	Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng	0101124678	3(2,1,6)	
4	060024	Giáo dục thể chất 1*	0101060024	1(0,1,2)	
5	100031	Kinh tế học	0101100031	3(3, 0, 6)	
Học kỳ 2				12	
Học phần bắt buộc				12	
1	100050	Nguyên lý kế toán	0101100050	3(3, 0, 6)	
2	123664	Mos Word	0101123664	2(1,1,4)	
3	123675	Tiếng Anh thương mại A1	0101123675	3(3,0,6)	
4	123710	Pháp luật về hợp đồng	0101123710	3(3,0,6)	
5	060025	Giáo dục thể chất 2 *	0101060025	1(0,1,2)	060024(a)
6	124679	Nguyên lý lập trình	0101124679	3(3, 0, 6)	
Học kỳ 3				11	
Học phần bắt buộc				11	
1	060026	Giáo dục thể chất 3 *	0101060026	1(0,1,2)	060025(a)
2	123665	Mos Excel	0101123665	2(1,1,4)	123664(a)
3	123676	Tiếng Anh thương mại A2	0101123676	3(3,0,6)	123675(a)
4	124682	Lý thuyết xác suất và thống kê	0101124679	2(2,0,4)	

5	124685	Hệ thống thông tin quản lý	0101124685	3(2,1,6)	124676(a)
6	124686	Cơ sở lập trình	0101124686	3(2,1,6)	124679(a)
7	060029	Giáo dục quốc phòng và an ninh	0101060029	8(5, 3, 16)	
Học kỳ 4				15	
Học phần bắt buộc				15	
1	121911	Mos Powerpoint	0101121911	2(1,1,4)	123665(a)
2	122791	Triết học Mác - Lênin	0101122791	3(3,0,6)	
3	123677	Tiếng Anh thương mại A3	0101123677	3(3,0,6)	123676(a)
4	110011	Cơ sở dữ liệu	0101110011	3(2,1,6)	124676(a)
5	110054	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	0101110054	3(2,1,6)	124685(a)
6	124023	Hệ thống thông tin kế toán	0101124023	3(2,1,6)	
Học kỳ 5				14	
Học phần bắt buộc				14	
1	122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	0101122792	2(2, 0, 4)	122791(a)
2	123671	Tiếng Anh CDR 1	0101123671	3(3,0,6)	
3	124301	Tiếng Anh văn phòng	0101124301	3(3,0,6)	
4	124687	Hệ quản trị dữ liệu	0101124687	3(2,1,6)	
5	124688	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	0101124688	3(2,1,6)	
6	124692	An toàn thông tin	0101124692	3(2,1,6)	
Học kỳ 6				11	
Học phần bắt buộc				11	
1	060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	0101060020	2(2, 0, 4)	122792(a)
2	123672	Tiếng Anh CDR 2	0101123672	3(3,0,6)	123671(a)
3	124320	Quản trị doanh nghiệp	0101124320	3(3,0,6)	
4	124698	Khai thác dữ liệu	0101124698	3(2,1,6)	124687(a)
5	124715	Quản lý dự án hệ thống thông tin	0101124715	3(2,1,6)	124679(a)

6	124712	Tiếng Anh chuyên ngành hệ thống thông tin quản lý	0101124712	3(3,0,6)	
Học kỳ 7				14	
Học phần bắt buộc				14	
1	060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0101060016	2(2,0,4)	060020(a)
2	123673	Tiếng Anh CĐR 3	0101123673	3(3,0,6)	123672(a)
3	124701	Phát triển các ứng dụng trong quản lý	0101124701	3(2,1,6)	
4	124702	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	0101124702	3(3,0,6)	
5	124734	Lập trình Python cho máy học*	0101124734	3(2, 1, 6)	
6	124703	Hệ thống thông tin quản lý và thanh toán số	0101124703	3(2, 1, 6)	
Học kỳ 8				13	
Học phần bắt buộc				4	
1	060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	0101060034	2(2,0,4)	060016(a)
2	123674	Tiếng Anh CĐR 4	0101123674	3(3,0,6)	123673(a)
3	124704	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý	0101124704	2(1,1,4)	124678(a)
Học phần tự chọn				9	
4	124705	Lập trình trên thiết bị di động	0101124705	3(2,1,6)	124686(a)
5	124706	Điện toán đám mây	0101124706	3(2,1,6)	
6	124709	Hệ thống quản lý chuỗi cung ứng	0101124709	3(2,1,6)	
7	124714	Phân tích kinh doanh	0101124714	3(2,1,6)	
8	124717	Quản lý cơ sở dữ liệu trong kinh doanh	0101124717	3(3,0,6)	
Học kỳ 9				13	
Học phần bắt buộc				13	
1	124429	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp	0101124429	3(0,3,6)	
2	124454	Văn hóa doanh nghiệp	0101124454	3(3,0,6)	

3	124473	Thực tập tốt nghiệp	0101124473	4(0,4,8)	
Học kỳ 10				8	
Học phần tự chọn				8	
1	100102	Khoá luận tốt nghiệp	0101100102	8(8,0,16)	123629(a)
2	124026	Kỹ năng tìm việc và khởi nghiệp	0101124026	2(1,1,4)	123629(a)
3	124710	Quản trị quá trình kinh doanh	0101124710	2(2,0,4)	123629(a)
4	124711	Khai phá Dữ liệu & Business Intelligence	0101124711	2(1,1,4)	123629(a)
5	123066	Hệ hỗ trợ ra quyết định	0101123066	2(1,1,4)	123629(a)
Tổng số tín chỉ:				120	

Các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng không tính vào tổng số tín chỉ, điểm trung bình chung học kỳ, toàn khoá.

3.10. Mô tả tóm tắt các học phần

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
1	0101122791	Triết học Mác - Lênin	3	Học phần này cung cấp kiến thức về lý luận triết học Mác - Lênin, trên cơ sở đó xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng lý luận đó để nhận thức và cải tạo thế giới, xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.
2	0101122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Học phần gồm 6 chương: bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin và nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3	0101060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác Lênin; những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và của Đảng Cộng sản Việt Nam về gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay.
4	0101060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh, nội dung môn học gồm 7 chương với những nội dung cơ bản sau: 1. Cơ sở, quá trình hình thành

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết dân tộc, 6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân, 7. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.
5	0101060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Học phần bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, cung cấp các kiến thức cơ bản về: sự ra đời của Đảng, quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua các giai đoạn, thành công, hạn chế, bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng. Học phần giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN.
6	0101123622	Tiếng Anh giao tiếp	3	Học phần Tiếng Anh Giao Tiếp sử dụng giáo trình JESTREAM Elementary A với 6 đơn vị bài, mỗi đơn vị bài bao gồm 3 bài học, chú trọng vào tất cả kỹ

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				năng như xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp căn bản, nghe, nói đơn giản trong giao tiếp hàng ngày về các chủ đề liên quan tới cuộc sống và công việc hàng ngày như nghề nghiệp, gia đình, trường học, quốc gia, thể thao Sau mỗi 2 bài học sẽ có 1 phần bài ôn tập (Review).
7	0101123675	Tiếng Anh thương mại A1	3	Học phần Tiếng Anh thương mại A1 sử dụng giáo trình Business Partner A2 với 4 đơn vị bài, mỗi đơn vị bài bao gồm 5 bài học, chú trọng vào tất cả kỹ năng như xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp căn bản, nghe, nói đơn giản trong giao tiếp hàng ngày về các chủ đề liên quan tới cuộc sống và công việc hàng ngày như nghề nghiệp, du lịch, kinh doanh, viết thư... Cuối mỗi bài học sẽ có 01 phần Review ôn tập toàn bộ kiến thức.
8	0101123676	Tiếng Anh thương mại A2	3	Học phần Tiếng Anh thương mại A2 sử dụng giáo trình Business Partner A2 với 4 đơn vị bài học, tiếp nối học phần Tiếng Anh Thương Mại A1. Mỗi đơn vị bài bao gồm 5 bài học, chú trọng vào tất cả kỹ năng như xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp theo hướng giao tiếp, nghe, nói trong giao tiếp hàng ngày về các chủ đề liên quan tới ngành nghề, sản phẩm, công nghệ, môi trường... Cuối mỗi bài

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				học sẽ có 01 phần Review ôn tập toàn bộ kiến thức.
9	0101123677	Tiếng Anh thương mại A3	3	Học phần Tiếng Anh Thương Mại A3 sử dụng giáo trình Business Partner A2+ với 4 đơn vị bài học, tiếp nối học phần Tiếng Anh Thương Mại A2. Mỗi đơn vị bài học gồm 5 bài học, chú trọng vào xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp, phát triển kỹ năng giao tiếp về các chủ đề liên quan tới kinh doanh, thương mại, doanh nghiệp, quản trị, thị trường, cuộc sống và công việc thường ngày. Sau mỗi đơn vị bài học sẽ có 01 phần hội thảo doanh nghiệp giúp người học trải nghiệm thực tế vận dụng kiến thức được trang bị để giao tiếp, đàm phán, ứng xử, giải quyết các tình huống trong kinh doanh. Đặc biệt người học có tài khoản online để học và làm bài tập trực tuyến với nhiều thể loại bài tập đa dạng, hấp dẫn, dễ hiểu.
10	0101124301	Tiếng Anh văn phòng	3	Học phần chú trọng vào phát triển kỹ năng nghe và nói trong giao tiếp và thực hành tiếng Anh thông qua việc xây dựng vốn từ vựng và ngữ pháp căn bản về các chủ đề liên quan tới môi trường công sở như gặp gỡ khách hàng và ghi nhận thông tin khách hàng, soạn thảo email công việc, trao đổi công việc qua

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				điện thoại. Học phần giúp người học có cơ hội thực hành kiến thức trước khi bước vào môi trường thực tế thông qua các bài học tạo môi trường giả lập văn phòng để cho người học được trải nghiệm thực tế.
11	0101124678	Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng	3	Học phần “Công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo và Ứng dụng” nhằm cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về nền tảng công nghệ số và AI. Cụ thể, người học được cung cấp các kiến thức cơ bản về công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, và ứng dụng của công nghệ số và AI vào đời sống, học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp. Ngoài ra, học phần cung cấp cho người học kỹ năng thực hành với một số công cụ số và AI, khả năng phân tích, xử lý dữ liệu, sáng tạo nội dung, đồng thời rèn luyện năng lực giao tiếp, hợp tác trong môi trường số hóa, bồi dưỡng ý thức về an toàn thông tin, đạo đức số, và tuân thủ pháp luật, giúp người học hình thành ý thức sử dụng công nghệ một cách chủ động, văn minh, góp phần xây dựng cộng đồng số an toàn và bền vững.
12	0101124679	Nguyên lý lập trình	3	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về tư duy lập trình và cấu trúc chương trình, giúp người học tiếp cận với

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				Python – một trong những ngôn ngữ lập trình phổ biến, dễ học và mạnh mẽ. Nội dung bao gồm: biểu diễn thuật toán (flowchart, pseudocode), biến – kiểu dữ liệu – toán tử, cấu trúc điều khiển, hàm, danh sách, chuỗi, file, và một số cấu trúc dữ liệu cơ bản. Người học sẽ được thực hành viết các chương trình đơn giản giải quyết bài toán thực tế, rèn luyện tư duy logic, cách phân tích – xây dựng thuật toán, xử lý lỗi và kiểm thử chương trình. Học phần đặt nền móng để người học học các môn lập trình nâng cao, cấu trúc dữ liệu và phát triển phần mềm.
13	0101123710	Pháp luật hợp đồng	3	Học phần Pháp luật về hợp đồng bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến tất cả các loại hợp đồng như khái niệm, đặc điểm, hiệu lực, trình tự ký kết, thực hiện, thay đổi và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng. Các nội dung này sẽ được phân tích kỹ trên cơ sở so sánh các quy định của pháp luật Việt Nam với pháp luật các nước, đối chiếu với thực tiễn thông qua các ví dụ cụ thể.
14	0101124682	Lý thuyết xác suất và thống kê	2	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê – nền tảng của phân tích dữ liệu, phân tích định lượng và nghiên cứu khoa học

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				trong kinh tế, tài chính – ngân hàng, kỹ thuật và công nghệ. Nội dung bao gồm: các khái niệm về biến cố, xác suất, quy tắc tính xác suất; biến ngẫu nhiên và các phân phối xác suất thông dụng; các tham số đặc trưng; định lý giới hạn; mẫu và phân phối mẫu; ước lượng tham số; kiểm định giả thuyết thống kê; và mô hình hồi quy tuyến tính. Người học được phát triển khả năng tư duy logic, phân tích số liệu, mô tả dữ liệu, suy luận thống kê và áp dụng công cụ toán học để ra quyết định trong thực tiễn. Học phần cũng giúp người học vận dụng phần mềm thống kê như Excel, R hoặc Python trong xử lý dữ liệu và minh họa kết quả.
15	0101124676	Nhập môn ngành Hệ thống thông tin quản lý	3	Học phần sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản về ngành Hệ thống thông tin quản lý: tổng quan ngành, vai trò chức năng của ngành trong nền kinh tế, chương trình đào tạo ngành bậc đại học. Hiểu, mô tả bản chất công việc hoạt động ngành, môi trường làm việc, con đường phát triển nghề nghiệp, cơ hội nghề nghiệp ngành Hệ thống thông tin quản lý và kỹ năng cần thiết để học tập và làm việc trong ngành Hệ thống thông tin quản lý.



S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
16	0101100031	Kinh tế học	3	Học phần Kinh tế học bao gồm 2 phần là kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô. Nội dung kinh tế học vi mô giới thiệu cung, cầu và giá cả thị trường. Ngoài ra, khái niệm thặng dư sản xuất, thặng dư tiêu dùng và các chính sách của chính phủ như thuế, trợ cấp, giá tối đa, tối thiểu cũng được giới thiệu và phân tích tác động của nó; Nội dung kinh tế học vĩ mô cung cấp cho người học có thể hiểu được ý nghĩa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô như: GDP, GNP, CPI, tốc độ tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ lạm phát...; nghiên cứu các công cụ của chính sách tài khoá như: thuế, chi ngân sách của chính phủ; các công cụ chính sách tiền tệ.
17	0101124320	Quản trị doanh nghiệp	3	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quát về quản trị các hoạt động trong các tổ chức và doanh nghiệp như marketing, tài chính, nhân sự, sản xuất, Có kỹ năng hoạch định, xây dựng, tổ chức và ra quyết định, lãnh đạo... trong các tổ chức, doanh nghiệp. Người học có khả năng làm việc nhóm, thông qua các hoạt động tìm hiểu thực tiễn, tiểu luận và thảo luận nhóm; Có khả

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				năng định hướng tốt ngành nghề, chuyên môn quản trị trong các tổ chức, doanh nghiệp.
18	0101100050	Nguyên lý kế toán	3	Học phần Nguyên lý kế toán nhằm giúp cho người học hiểu, biết và có thể vận dụng kiến thức đã học để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong doanh nghiệp. Học phần này bao gồm một số nội dung cơ bản như sau: hệ thống hoá những kiến thức tổng quan về đối tượng, nhiệm vụ, yêu cầu và các nguyên tắc kế; các phương pháp hạch toán kế toán. Học phần đi sâu vào trình bày và hướng dẫn các nội dung về Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Phương pháp Tài khoản và Ghi sổ kép; Tính giá các đối tượng kế toán; Kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu trong doanh nghiệp. Học phần còn cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về chứng từ, sổ sách và các hình thức sổ kế toán.
19	0101124685	Hệ thống thông tin quản lý	3	Học phần trang bị cho người học kiến thức nền tảng về hệ thống thông tin trong tổ chức và vai trò của chúng đối với hoạt động quản lý. Người học hiểu được cách các hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định, cải thiện hiệu quả vận

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				hành, tạo lợi thế cạnh tranh, và thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Ngoài ra, người học phát triển khả năng phân tích yêu cầu, thiết kế giải pháp và đánh giá tính phù hợp của các hệ thống thông tin quản lý.
20	0101124686	Cơ sở lập trình	3	Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của các ngành Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin,... và là học phần tiên quyết cho Lập trình hướng đối tượng và Lập trình nâng cao. Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về tư duy, phương pháp lập trình, các cấu trúc lập trình cơ bản, một số giải thuật và cấu trúc dữ liệu, được minh họa bằng ngôn ngữ lập trình C. Qua đó, học phần giúp người học hình thành kỹ năng lập trình cơ bản, rèn luyện khả năng phân tích, thiết kế mô-đun và tạo nền tảng cho việc học các môn lập trình tiếp theo trong chương trình đào tạo.
21	0101110011	Cơ sở dữ liệu	3	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức khái niệm, phép toán của cơ sở dữ liệu, mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ và thiết kế cơ sở dữ liệu, ngôn ngữ thao tác trên cơ sở dữ liệu SQL và kỹ năng làm việc với hệ quản trị SQL

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				Server để tương tác với cấu trúc cũng như dữ liệu của các CSDL cần quản lý.
22	0101110054	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	Học phần này cung cấp cho Người học các kiến thức cơ bản và nâng cao về cách tổ chức, quản lý và xử lý dữ liệu trong lập trình. Người học sẽ học về các loại cấu trúc dữ liệu như mảng, danh sách liên kết, ngăn xếp, hàng đợi, cây, đồ thị, cùng với các giải thuật phổ biến để tìm kiếm, sắp xếp, duyệt và tối ưu hóa dữ liệu. Môn học giúp phát triển tư duy thuật toán, khả năng phân tích và giải quyết vấn đề trong lập trình máy tính.
23	0101124023	Hệ thống thông tin kế toán	3	Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin kế toán, giúp người học nắm được các bước tổ chức công tác kế toán cũng như nắm được các quy trình hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp. Ngoài ra, người học biết được những thành phần của kiểm soát nội bộ, phân tích được những rủi ro và đưa ra được các giải pháp phù hợp để hạn chế những rủi ro trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Trên cơ sở nắm vững những kiến thức này, người học có thể vận dụng vào việc lựa chọn, vận hành hệ

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				thống thông tin kế toán phù hợp với quy mô, yêu cầu quản lý và mang tính khả thi cho doanh nghiệp đối với công việc sau này.
24	0101124687	Hệ quản trị dữ liệu	3	Học phần trang bị cho người học ngành các kiến thức nền tảng và ứng dụng về cơ sở dữ liệu và hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Nội dung tập trung vào mô hình dữ liệu, thiết kế CSDL cho hệ thống thông tin doanh nghiệp, ngôn ngữ SQL, quản trị giao dịch, bảo mật, phân quyền, sao lưu và phục hồi dữ liệu. Học phần nhấn mạnh vai trò của CSDL trong các hệ thống MIS, ERP, DSS.
25	0101124688	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	Học phần Phân tích và Thiết kế Hướng Đối Tượng cung cấp cho người học nền tảng lý thuyết và kỹ năng thực hành trong việc phân tích yêu cầu và thiết kế hệ thống phần mềm theo phương pháp hướng đối tượng. Nội dung học phần bao gồm các khái niệm cốt lõi của lập trình và mô hình hóa hướng đối tượng như đối tượng, lớp, thuộc tính, phương thức, tính kế thừa, đa hình, đóng gói và trừu tượng hóa. Học phần trang bị cho người học khả năng sử dụng ngôn ngữ mô hình hóa thống nhất UML để mô tả hệ thống

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				thông qua các loại biểu đồ như: biểu đồ ca sử dụng (Use Case Diagram), biểu đồ lớp (Class Diagram), biểu đồ trình tự (Sequence Diagram), biểu đồ hoạt động (Activity Diagram), biểu đồ trạng thái (State Machine Diagram) và các biểu đồ cấu trúc – hành vi khác.
26	0101124692	An toàn thông tin	3	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về an toàn và bảo mật thông tin trong hệ thống CNTT, giúp người học hiểu các nguyên tắc, mô hình, phương pháp và công cụ bảo mật hiện đại. Nội dung bao gồm: các mối đe dọa thông tin, kỹ thuật tấn công phổ biến, các biện pháp phòng thủ (mã hóa, chứng thực, kiểm soát truy cập, tường lửa, IDS/IPS), an ninh mạng, bảo mật ứng dụng và thực hành an toàn thông tin trong doanh nghiệp.
27	0101124698	Khai thác dữ liệu	3	Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng và phương pháp hiện đại trong lĩnh vực khai thác dữ liệu. Người học được trang bị khả năng thu thập, xử lý, làm sạch và biến đổi dữ liệu phục vụ cho việc phát hiện các mẫu, mối quan hệ và tri thức tiềm ẩn trong các tập dữ liệu lớn. Nội dung học phần bao gồm: tiền xử lý dữ liệu, phân loại, phân cụm, luật

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				kết hợp, phát hiện bất thường, đánh giá mô hình và ứng dụng khai thác dữ liệu trong nhiều lĩnh vực như kinh doanh, tài chính, công nghệ và nghiên cứu khoa học. Bên cạnh kiến thức lý thuyết, học phần còn chú trọng thực hành giúp người học sử dụng các công cụ và ngôn ngữ lập trình (Python, R hoặc phần mềm chuyên dụng) để cài đặt thuật toán và phân tích dữ liệu thực tế. Học phần nhằm phát triển năng lực lựa chọn phương pháp phù hợp, giải thích kết quả và ứng dụng kỹ thuật khai thác dữ liệu trong giải quyết vấn đề thực tiễn.
28	0101124715	Quản lý dự án hệ thống thông tin	3	Học phần Quản trị dự án Hệ thống thông tin trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng nền tảng để lập kế hoạch, tổ chức, triển khai, giám sát và kết thúc các dự án xây dựng, triển khai hoặc nâng cấp hệ thống thông tin trong doanh nghiệp và tổ chức. Thông qua học phần, người học hiểu rõ vòng đời dự án hệ thống thông tin, vai trò của nhà quản trị dự án, các bên liên quan, cũng như cách phối hợp giữa con người – quy trình – công nghệ – chi phí – thời gian – rủi ro nhằm đảm bảo dự án hoàn thành đúng mục tiêu đề ra.

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
29	0101124701	Phát triển các ứng dụng trong quản lý	3	Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng nền tảng về việc phân tích, thiết kế và phát triển các ứng dụng phục vụ hoạt động quản lý trong doanh nghiệp và tổ chức. Nội dung học phần bao gồm: phân tích yêu cầu nghiệp vụ quản lý, mô hình hóa hệ thống, thiết kế cơ sở dữ liệu, xây dựng giao diện, lập trình xử lý nghiệp vụ, kết nối dữ liệu và triển khai ứng dụng hoàn chỉnh. Người học sẽ được thực hành phát triển các ứng dụng quản lý như: quản lý nhân sự, quản lý kho, quản lý bán hàng, quản lý khách hàng..., trên các nền tảng web hoặc desktop tùy theo yêu cầu giảng dạy.
30	0101124702	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	Học phần trang bị cho người học kiến thức nền tảng và hệ thống về các hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (Enterprise Resource Planning – ERP), một công cụ quan trọng trong quản trị, vận hành và chuyển đổi số của doanh nghiệp hiện đại. Nội dung học phần bao gồm: khái niệm, cấu trúc và kiến trúc ERP; các phân hệ chức năng; quy trình tích hợp dữ liệu giữa các bộ phận trong doanh

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				nghiệp; phân tích yêu cầu và mô hình hóa quy trình nghiệp vụ phục vụ triển khai ERP; các tiêu chí lựa chọn, đánh giá và triển khai hệ thống ERP trong thực tế. Bên cạnh phần lý thuyết, người học được tiếp cận và thực hành trên các nền tảng ERP phổ biến như Odoo hoặc SAP Business One nhằm mô phỏng các nghiệp vụ như bán hàng, mua hàng, kho, kế toán và nhân sự. Hoàn thành học phần, người học hiểu được vai trò của ERP trong quản trị doanh nghiệp, có khả năng phân tích yêu cầu nghiệp vụ, vận hành thử nghiệm trên hệ thống ERP, đánh giá và đề xuất giải pháp ERP phù hợp với từng loại hình tổ chức, cũng như nhận thức về bảo mật dữ liệu và đạo đức nghề nghiệp trong triển khai hệ thống thông tin quản lý.
31	0101124703	Hệ thống thông tin quản lý và thanh toán số	3	Học phần Hệ thống thông tin quản lý và thanh toán số nhằm trang bị cho người học kiến thức căn bản về tình hình phát triển Hệ thống thông tin quản lý tại Việt Nam, các mô hình Hệ thống thông tin quản lý, cơ sở hạ tầng điện tử, hoạt động marketing trực tuyến, thanh toán số, an toàn trong Hệ thống thông tin quản lý.

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
32	0101124704	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản lý	2	Học phần này cung cấp cái nhìn tổng quan về vai trò của hệ thống thông tin (HTTT) trong doanh nghiệp cũng như mối liên hệ giữa quy trình kinh doanh, HTTT, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) trong bối cảnh chuyển đổi số. Nội dung học phần nhấn mạnh cách thức các quy trình kinh doanh được số hóa thông qua HTTT tạo ra nguồn dữ liệu phong phú, làm nền tảng cho việc ứng dụng các kỹ thuật AI nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và ra quyết định. Thông qua các ví dụ và tình huống thực tế, người học hiểu rõ cách AI tích hợp vào phân tích dữ liệu kinh doanh: tự động hóa hoạt động, cá nhân hóa dịch vụ và đổi mới mô hình kinh doanh. Học phần có ý nghĩa quan trọng đối với ngành Phân tích dữ liệu kinh doanh, giúp người học nắm vững kiến thức liên ngành về công nghệ và quản lý, đồng thời phát triển tư duy vận dụng AI trong giải quyết các vấn đề kinh doanh hiện đại.
33	0101124705	Lập trình trên thiết bị di động	3	Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản đến nâng cao trong việc xây dựng ứng dụng trên các thiết bị di động. Nội dung tập trung vào kiến trúc hệ điều hành di động, quy

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				trình phát triển ứng dụng, giao diện người dùng, xử lý dữ liệu, tương tác mạng và triển khai ứng dụng thực tế. Người học được làm quen với một nền tảng lập trình di động phổ biến (Android/iOS hoặc framework đa nền tảng) và thực hành phát triển các ứng dụng hoàn chỉnh từ ý tưởng đến sản phẩm demo.
34	0101124706	Điện toán đám mây	3	Học phần Điện toán đám mây cung cấp cho người học kiến thức nền tảng và kỹ năng thực hành về các mô hình, kiến trúc và dịch vụ của điện toán đám mây trong bối cảnh công nghệ thông tin hiện đại. Nội dung môn học bao gồm: tổng quan về cloud computing, các mô hình dịch vụ (IaaS, PaaS, SaaS), mô hình triển khai (Public Cloud, Private Cloud, Hybrid Cloud), ảo hóa hệ thống, quản lý tài nguyên trên đám mây, và các nền tảng điện toán đám mây phổ biến như AWS, Azure, và Google Cloud.
35	0101124709	Hệ thống quản lý chuỗi cung ứng	3	Học phần cung cấp kiến thức nền tảng và hệ thống về quản lý chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp hiện đại. Nội dung bao gồm: tổng quan chuỗi cung ứng, thiết kế chuỗi cung ứng, quản trị tồn

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				kho, quản lý nhà cung cấp, phân phối – logistics, hoạch định nhu cầu, vận hành, và ứng dụng công nghệ trong SCM. Học phần giúp người học hiểu cách chuỗi cung ứng tạo giá trị, tối ưu chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.
36	0101124714	Phân tích kinh doanh	3	Học phần Phân tích kinh doanh cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng nền tảng trong việc thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định trong doanh nghiệp. Môn học tập trung vào việc nhận diện vấn đề kinh doanh, đánh giá hiệu quả hoạt động, phân tích môi trường nội bộ và bên ngoài, cũng như đề xuất các giải pháp tối ưu dựa trên bằng chứng dữ liệu.
37	0101124717	Quản lý cơ sở dữ liệu trong kinh doanh	3	Học phần Quản lý cơ sở dữ liệu trong kinh doanh cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng nền tảng về cách thiết kế, xây dựng, quản trị và khai thác cơ sở dữ liệu để phục vụ hoạt động quản lý và ra quyết định trong doanh nghiệp dịch vụ và thương mại.
38	0101124712	Tiếng Anh chuyên ngành hệ thống	3	Học phần cung cấp cho người học nhằm trang bị cho người học các kiến

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
		thông tin quản lý		thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực hệ thống thông tin quản lý (MIS). Nội dung học phần tập trung vào từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành, cấu trúc ngôn ngữ thường dùng trong các tài liệu MIS, ERP, CRM, SCM, cơ sở dữ liệu và phân tích nghiệp vụ. Người học được rèn luyện các kỹ năng đọc - hiểu tài liệu chuyên ngành, giao tiếp chuyên môn, viết báo cáo và thuyết trình bằng tiếng Anh trong bối cảnh doanh nghiệp và hệ thống thông tin.
39	0101124429	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp	3	Học phần này được thiết kế nhằm tạo cơ hội cho người học làm quen với các hệ thống, hoạt động quản lý hệ thống thông tin, xử lý thông tin trong doanh nghiệp, hiểu sâu hơn về các học phần đã được học trong chương trình đào tạo. Thông qua sự trải nghiệm các vị trí nghề nghiệp liên quan đến quản lý hệ thống thông tin và môi trường làm việc liên quan đến quản lý thông tin một cách cụ thể tại các doanh nghiệp, giúp người học hiểu được các yêu cầu về sự chuyên nghiệp, đạo đức và trách nhiệm trong công việc người học cũng học hỏi những kỹ năng cần thiết cho việc phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
40	0101124454	Văn hóa doanh nghiệp	3	Học phần Văn hóa doanh nghiệp cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hoá, văn hoá kinh doanh Việt Nam và việc vận dụng những kiến thức đó trong xây dựng và phát triển văn hoá doanh nghiệp. Vai trò của văn hóa trong hoạt động doanh nghiệp, các yếu tố cấu thành văn hoá doanh nghiệp, quan niệm xây dựng văn hoá doanh nghiệp và nội dung xây dựng văn hoá doanh nghiệp mà cốt lõi là triết lý và đạo đức kinh doanh. Giới thiệu một số mô hình văn hoá cũng như văn hóa ứng xử trong các tình huống kinh doanh.
41	0101124473	Thực tập tốt nghiệp	4	Học phần thực tập tốt nghiệp nhằm giúp người học ngành Hệ thống Thông tin Quản lý (MIS) vận dụng tổng hợp kiến thức đã học vào môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp, tổ chức. Trong quá trình thực tập, người học tham gia tìm hiểu quy trình nghiệp vụ, hệ thống thông tin đang vận hành, công nghệ và phần mềm được sử dụng; từ đó phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp cải tiến phù hợp. Kết quả của học phần là Báo cáo thực tập tốt nghiệp, thể hiện năng lực nhận diện vấn đề thực tiễn, khả năng áp dụng

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				kiến thức chuyên ngành MIS, kỹ năng phân tích - tổng hợp - trình bày báo cáo, cũng như thái độ và tác phong nghề nghiệp của sinh viên.
42	0101100102	Khóa luận tốt nghiệp	8	Học phần Khóa luận tốt nghiệp nhằm giúp người học vận dụng tổng hợp kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành đã được trang bị trong toàn khóa học để nghiên cứu, phân tích và giải quyết một vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực hệ thống thông tin quản lý tại doanh nghiệp hoặc tổ chức. Nội dung học phần tập trung vào việc lựa chọn đề tài phù hợp, xác định mục tiêu và phạm vi nghiên cứu; thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu; thiết kế, đề xuất giải pháp hoặc mô hình hệ thống thông tin quản lý; đánh giá hiệu quả và tính khả thi của giải pháp trong bối cảnh thực tế. Trong quá trình thực hiện khóa luận, người học được rèn luyện năng lực nghiên cứu khoa học, tư duy phản biện, kỹ năng sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu và công nghệ thông tin; đồng thời nâng cao kỹ năng viết báo cáo khoa học, trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu. Học phần góp phần hình thành tác phong làm việc độc lập, tinh

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và khả năng học tập suốt đời, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và định hướng phát triển ứng dụng của ngành Hệ thống thông tin quản lý.
42a	0101124026	Kỹ năng tìm việc và khởi nghiệp	2	Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về quá trình khởi tạo doanh nghiệp mới trong nền kinh tế thị trường. Môn học trình bày những nội dung cốt lõi như: Tổng quan về khởi nghiệp, quá trình sáng tạo và phát sinh ý tưởng kinh doanh, đánh giá cơ hội của đề án kinh doanh trên thị trường, vấn đề pháp luật trong khởi nghiệp, kế hoạch khởi nghiệp và chiến lược phát triển của doanh nghiệp trong giai đoạn đầu của quá trình hình thành và phát triển.
42b	0101124710	Quản trị quá trình kinh doanh	2	Học phần Quản trị quá trình kinh doanh là giúp người học tìm hiểu, áp dụng các khái niệm và kỹ thuật phân tích và cải tiến quá trình, giúp các người học có kiến thức nền tảng để có thể ra các quyết định trong quản trị mà đặc biệt là giải quyết các vấn đề có liên quan đến kiểm soát các quá trình hoạt động của doanh nghiệp để đảm bảo là các hoạt động hiệu quả, hướng đến mục tiêu làm hài lòng khách hàng.

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
42c	0101124711	Khai phá Dữ liệu & Business Intelligence	2	Học phần Khai phá Dữ liệu & Business Intelligence cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về khai thác, phân tích dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định trong doanh nghiệp. Học phần giới thiệu các khái niệm khai phá dữ liệu, quy trình CRISP-DM, cùng các kỹ thuật phân lớp, gom cụm và luật kết hợp. Người học được làm quen với kho dữ liệu, OLAP, ETL và vai trò của Business Intelligence trong quản trị dữ liệu. Học phần cũng trang bị kỹ năng sử dụng các công cụ như Python, Weka và phần mềm BI để triển khai phân tích trên dữ liệu thực tế. Kết thúc học phần, người học nắm được nền tảng để áp dụng khai phá dữ liệu và BI trong các môn nâng cao và ứng dụng thực tiễn.
42d	0101123066	Hệ hỗ trợ ra quyết định	2	Học phần Hệ hỗ trợ ra quyết định (DSS) trang bị kiến thức về vai trò, mục tiêu và kiến trúc của DSS trong tổ chức. Người học nắm vững các mô hình, công cụ phân tích và mô phỏng dữ liệu phục vụ ra quyết định. Học phần hướng dẫn thiết kế, triển khai và vận hành DSS, đồng thời giới thiệu xu hướng DSS hiện đại tích hợp BI và dữ liệu lớn.



S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
43	0101060029	Giáo dục quốc phòng và an ninh*	8*	Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về đường lối quân sự, công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
44	0101060024	Giáo dục thể chất 1*	1*	Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng chuyền. Đây là môn học và được đưa vào giảng dạy trong hệ thống giáo dục thể chất trường học để phát triển thể chất con người cũng như đưa vào thi đấu trong các giải thể thao.
45	0101060025	Giáo dục thể chất 2*	1*	Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn bóng đá mini cho đối tượng là sinh viên. Là môn học thực hành nằm trong hệ thống giáo dục thể chất trường học nhằm phát triển thể chất con người.
46	0101060026	Giáo dục thể chất 3*	1*	Học phần giáo dục thể chất 3 (Võ Vovinam) nằm trong phần môn học GDTC cơ bản. Học phần này trang bị cho người học kiến thức: Hiểu biết về tầm quan trọng của võ (Vovinam) đối

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				với sức khỏe con người; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý những phản ứng sinh lý xấu khi tập luyện võ (Vovinam). Khi tập luyện võ (Vovinam) giúp tăng cường sức khỏe; tăng cường sức chịu đựng; cải thiện sức khỏe tinh thần; tăng tính kỷ luật...
47	0101123671	Tiếng Anh CDR 1*	3*	Học phần Tiếng Anh CDR 1* sử dụng giáo trình Frances Eales – Steve Oakes (2016), Speakout-Elementary A2 (Units 7-12), Pearson Education với 6 đơn vị bài, mỗi đơn vị bài bao gồm 4 bài học, chú trọng vào tất cả kỹ năng như xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp theo hướng giao tiếp, nghe, nói trong giao tiếp hàng ngày về các chủ đề liên quan tới ngành nghề, lối sống, con người, thực phẩm...
48	0101123672	Tiếng Anh CDR 2*	3*	Học phần Tiếng Anh CDR 2* sử dụng giáo trình Frances Eales – Steve Oakes (2016), Speakout-Elementary A2 (Units 7-12), Pearson Education với 6 đơn vị bài, mỗi đơn vị bài bao gồm 4 bài học, chú trọng vào tất cả kỹ năng như xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp theo hướng giao tiếp, nghe, nói trong giao tiếp hàng ngày về các chủ đề liên quan tới ngày lễ, giao thông, sức khỏe, trải nghiệm...

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
49	0101123673	Tiếng Anh CDR 3*	3*	Học phần Tiếng Anh CDR 3* sử dụng giáo trình Speakout ấn bản lần thứ hai, cấp độ tiền trung cấp với 6 đơn vị bài học (từ bài 1 đến bài 6), mỗi đơn vị bài học được chia thành 4 bài học nhỏ và 1 bài ôn lại kiến thức. Học phần chú trọng vào tất cả kỹ năng bao gồm nghe, nói, đọc và viết. Đặc biệt các kỹ năng này được xây dựng dựa trên nền tảng từ vựng và ngữ pháp được cung cấp trước cho sinh viên, trong đó nhấn mạnh vào kỹ năng nghe hiểu qua các DVD trên kênh BBC và kỹ năng nói dựa trên các chủ đề như cuộc sống, công việc thư giãn, và giữ gìn sức khỏe.
50	0101123674	Tiếng Anh CDR 4*	3*	Học phần Tiếng Anh CDR 4* sử dụng giáo trình Speakout ấn bản lần thứ hai, cấp độ tiền trung cấp với 6 đơn vị bài học (từ bài 7 đến bài 12), mỗi đơn vị bài học được chia thành 4 bài học nhỏ và 1 bài ôn lại kiến thức. Học phần chú trọng vào tất cả kỹ năng bao gồm nghe, nói, đọc và viết. Đặc biệt các kỹ năng này được xây dựng dựa trên nền tảng từ vựng và ngữ pháp được cung cấp trước cho sinh viên, trong đó nhấn mạnh vào kỹ năng nghe hiểu qua các DVD trên kênh BBC và kỹ năng nói dựa trên các chủ đề như những thay đổi trong cuộc

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				<i>sống, tiền bạc, thế giới tự nhiên, xã hội, công nghệ, và sự nổi tiếng.</i>
51	0101123664	Mos Word*	2*	<i>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức từ cơ bản như: thiết lập chung, định dạng kí tự, định dạng trang văn bản, tùy biến định dạng, chèn các đối tượng đến các chức năng nâng cao như: điều khiển luồng văn bản, liên kết, mục lục, trộn thư,... nhằm giúp người học vận dụng các công cụ của phiên bản Microsoft Office Word một cách hiệu quả, giúp tiết kiệm nhiều thời gian cho việc xử lý văn bản ngắn cũng như văn bản dài nhiều trang, như báo cáo tiểu luận, luận văn,....</i>
52	0101123665	Mos Excel*	2*	<i>Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết từ việc tạo, chỉnh sửa, định dạng và in ấn các trang tính Excel đến việc phân tích dữ liệu một cách hiệu quả.</i>
53	0101121911	Mos Powerpoint*	2*	<i>Học phần Mos Powerpoint cung cấp cho người học những kiến thức căn bản từ thiết lập chung trong MS Powerpoint, soạn thảo, định dạng nội dung cho trang chiếu (slide), chèn và tùy chỉnh các đối tượng đồ họa, đa phương tiện, thiết lập hiệu ứng cho slide và các đối tượng trên slide đến các thiết lập tùy chỉnh trình chiếu để xây</i>

S TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN
				<i>dựng bài thuyết trình lời cuốn, ấn tượng nhanh chóng và hiệu quả.</i>
54	0101124734	Lập trình Python cho máy học *	3*	<i>Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về lập trình Python và một số thư viện nền tảng như numpy, sklearn, pandas, matplotlib. Đồng thời, người học được trang bị kiến thức cơ bản về các bước xây dựng mô hình máy học và kỹ năng sử dụng Python để cài đặt một số thuật toán cơ bản trong máy học như các thuật toán học có giám sát, học không giám sát, một số thuật toán tối ưu siêu tham số... phục vụ cho việc giải quyết một số bài toán thực tế.</i>

3.11. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

3.11.1. Phương pháp và phương thức giảng dạy

- Phương pháp giảng dạy:

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy vai trò chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được CDR của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả CTĐT.

Phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong Đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và CDR của mỗi học phần và của cả CTĐT.

- Phương thức giảng dạy:

Kết hợp phương thức dạy học trực tiếp và trực tuyến.

3.11.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên CDR, làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong CDR mỗi học phần, mỗi thành phần và CTĐT.

Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến CTĐT.

Hình thức đánh giá kết quả học tập được quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo hiện hành, đáp ứng các mục tiêu và CDR của CTĐT.

Chương trình sử dụng thang điểm 10 để đánh giá học phần, quy tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường.

3.11.3. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ của CTĐT đáp ứng các yêu cầu quy định tại các văn bản hiện hành của Bộ GD&ĐT.

3.11.4. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, hệ thống thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo đáp ứng các yêu cầu quy định tại các văn bản hiện hành của Bộ GD&ĐT.

3.12. Đề cương chi tiết học phần

(Đính kèm).

PHẦN 4. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Địa chỉ Website: [http:// www.bvu.edu.vn/](http://www.bvu.edu.vn/)

Trang thông tin được thường xuyên cập nhật những thông tin hoạt động diễn ra trong trường. Trên đó: Trường công bố các điều kiện đảm bảo chất lượng (theo Thông tư số 36/2017/TT- BGDDT ngày 28/12/2017), kết quả kiểm định chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý ứng đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại mục “Đảm bảo chất lượng”. Thông tin người học tốt nghiệp có thể được tra cứu nhanh chóng, tỉ lệ học viên có việc làm sau tốt nghiệp được khảo sát và công bố hàng năm; Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra được công bố cho người học biết; mức học phí được công bố theo khóa học.

2. Đề nghị của cơ sở đào tạo

Từ các căn cứ khoa học cũng như thực trạng đào tạo và nhu cầu nhân lực ngành Hệ thống thông tin quản lý; với sự chuẩn bị về đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên và cơ sở vật chất, Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu kính đề nghị được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý trình độ Đại học – Mã ngành 7340405 kể từ năm 2026.

3. Cam kết triển khai thực hiện

Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu cam kết thực hiện đúng các yêu cầu của Bộ GD&ĐT, đảm bảo chất lượng đào tạo. *Ch.*

TP. HCM, ngày 16. tháng 01. năm 2026

Nơi nhận:

- Bộ GD & ĐT;
- HĐ Trường, BGH;
- Lưu: Khoa, VT.



PGS.TS Nguyễn Bá Hoàng